

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2023

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12
TRƯỜNG MẦM NON BÉ NGOAN

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Lệ Thu	Hiệu trưởng	Chủ tịch hội đồng	
2	Lê Thị Mai Hân	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
3	Võ Thị Viên	Phó hiệu trưởng	Phó chủ tịch hội đồng	
4	Đào Thị Bích Thảo	Chủ tịch Công đoàn Tổ trưởng tổ Lá	Thư ký hội đồng	
5	Nguyễn Thị Linh Huệ	Tổ trưởng tổ Nhà trẻ-Mầm	Ủy viên hội đồng	
6	Quách Thị Hương	Ủy viên ban Thanh tra nhân dân	Ủy viên hội đồng	
7	La Thị Mơ	Trưởng ban Thanh tra nhân dân Tổ trưởng tổ Chồi	Ủy viên hội đồng	
8	Chu Thị Hằng	Bí thư chi đoàn	Ủy viên hội đồng	
9	Lý Tiểu Nhi	Văn thư kiêm y tế	Ủy viên hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	3
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	11
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	11
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường	13
Mở đầu	13
Tiêu chí 1.1. Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	14
Tiêu chí 1.2. Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	16
Tiêu chí 1.3. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	18
Tiêu chí 1.4. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	21
Tiêu chí 1.5. Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo.	24
Tiêu chí 1.6. Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	25
Tiêu chí 1.7. Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	28
Tiêu chí 1.8. Quản lý các hoạt động giáo dục.	29
Tiêu chí 1.9. Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	31
Tiêu chí 1.10. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	33
Kết luận về Tiêu chuẩn 1	35
Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên	36
Mở đầu	36
Tiêu chí 2.1. Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	36
Tiêu chí 2.2. Đối với giáo viên.	38

Tiêu chí 2.3. Đối với nhân viên.	42
Kết luận về Tiêu chuẩn 2	44
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học.	44
Mở đầu	44
Tiêu chí 3.1. Diện tích, khuôn viên và sân vườn.	45
Tiêu chí 3.2. Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập.	47
Tiêu chí 3.3. Khối phòng hành chính - quản trị.	49
Tiêu chí 3.4. Khối phòng tổ chức ăn.	51
Tiêu chí 3.5. Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi.	53
Tiêu chí 3.6. Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	56
Kết luận về Tiêu chuẩn 3	58
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 4.1. Ban đại diện cha mẹ trẻ.	60
Tiêu chí 4.2. Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	62
Kết luận về Tiêu chuẩn 4	64
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ	64
Mở đầu	64
Tiêu chí 5.1. Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non.	65
Tiêu chí 5.2. Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.	68
Tiêu chí 5.3. Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe.	70
Tiêu chí 5.4. Kết quả giáo dục.	73
Kết luận về Tiêu chuẩn 5	75
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	76
Phần IV. PHỤ LỤC	1
Danh mục mã minh chứng	

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		X	X	
Tiêu chí 1.2		X	X	
Tiêu chí 1.3		X	X	X
Tiêu chí 1.4		X	X	
Tiêu chí 1.5		X		
Tiêu chí 1.6		X	X	
Tiêu chí 1.7		X	X	
Tiêu chí 1.8		X	X	
Tiêu chí 1.9		X	X	
Tiêu chí 1.10		X		
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		X	X	X
Tiêu chí 2.2		X	X	X
Tiêu chí 2.3		X	X	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		X		
Tiêu chí 3.2		X	X	
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	X
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	X

Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	X
Tiêu chí 5.4		X		

Kết quả: đạt Mức 1.

2. Kết luận: trường đạt Mức 1

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Mầm non Bé Ngoan

Tên trước đây: Mẫu giáo Bé Ngoan 5

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân Quận 12

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Hồ Chí Minh	Họ và tên Hiệu trưởng	Nguyễn Thị Lệ Thu
Huyện/quận /thị xã / thành phố	Quận 12	Điện thoại	02.8.37191241
Xã / phường/thị trấn	Tân Thới Nhất	Fax	08.37191241
Đạt chuẩn quốc gia	không	Website	mnbengoanq12hcm.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1996	Số điểm trường	01 điểm chính
Công lập	x	Loại hình khác	không
Tư thực	không	Thuộc vùng khó khăn	không
Dân lập	không	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	không
Trường liên kết với nước ngoài	không		

1. Số nhóm trẻ, lớp mẫu giáo

Số nhóm, lớp	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Nhóm trẻ	00	00	00	00	00

từ 6 đến 12 tháng tuổi					
Nhóm trẻ từ 13 đến 18 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 19 đến 24 tháng tuổi	00	00	00	00	00
Nhóm trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi	01	01	01	01	01
Số lớp Mẫu giáo 3-4 tuổi	02	02	02	02	02
Số lớp Mẫu giáo 4-5 tuổi	03	03	03	03	03
Số lớp Mẫu giáo 5-6 tuổi	04	04	04	04	04
Cộng	10	10	10	10	10

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
I	Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo	10	10	10	10	10	
1	Phòng kiên cố	10	10	10	10	10	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
II	Khối phòng phục vụ học tập	01	01	01	01	01	
1	Phòng kiên cố	01	01	01	01	01	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
III	Khối phòng hành chính quản trị	05	05	05	05	05	
1	Phòng kiên cố	05	05	05	05	05	
2	Phòng bán kiên cố	00	00	00	00	00	
3	Phòng tạm	00	00	00	00	00	
IV	Khối phòng	01	01	01	01	01	

	tổ chức ăn						
V	Các công trình, khôi phục chức năng khác (nếu có)	00	00	00	00	00	
	Cộng	17	17	17	17	17	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá: tháng 9 năm 2023

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01	01	00	00	00	01	
Phó Hiệu trưởng	02	02	00	00	00	02	
Giáo viên	21	21	01	00	00	21	
Nhân viên	13	8	01	07	04	02	
Cộng	37	32	02	07	04	26	

b) Số liệu của 5 năm gần đây

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023
1	Tổng số giáo viên	20	21	21	19	21
2	Tỷ lệ trẻ em/ giáo viên (đối với nhóm trẻ)	35/2 =17,5	35/3 =11,7	44/3 =14,7	46/2 =23	25/2 =12,5
3	Tỷ lệ trẻ em/	00	00	00	00	00

	giáo viên (đối với lớp mẫu giáo không có trẻ bán trú)					
4	Tỉ lệ trẻ em/giáo viên (đối với lớp mẫu giáo có trẻ em bán trú)	367/18 =20,4	365/18 =20,3	371/18 =20,6	340/17 =20	299/19 =15,7
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	01	00	00	00	05
6	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	00	00	00	00	00

4. Trẻ em

TT	Số liệu	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023	Ghi chú
1	Tổng số trẻ em	402	400	415	386	324	
	- Nữ	194	193	197	182	143	

	- Dân tộc thiểu số	03	01	01	01	01	
2	Đối tượng chính sách	04	01	01	01	01	
3	Khuyết tật	00	00	00	00	00	
4	Tuyển mới	194	148	152	135	156	
5	Học 2 buổi/ngày	402	400	415	386	324	
6	Bán trú	402	400	415	386	324	
7	Tỉ lệ trẻ em/lớp	367/9 =40,7	365/9 =40.5	371/9 =41,2	340/9 =37,7	299/9 =33,2	
8	Tỉ lệ trẻ em/nhóm	35/1 =35	35/1 =35	44/1 =44	46/1 =46	25/1 =25	
9	- Trẻ em từ 06 đến 12 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	- Trẻ em từ 13 đến 18 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	- Trẻ em từ 19 đến 24 tháng tuổi	00	00	00	00	00	
	- Trẻ em từ 25 đến 36 tháng tuổi	35	35	44	46	25	
	- Trẻ em từ 3-4 tuổi	89	86	94	91	50	
	- Trẻ em từ 4-5 tuổi	127	129	131	117	109	
	- Trẻ em từ 5-6 tuổi	151	150	146	132	140	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường Mầm non Bé Ngoan (tên trước đây là Trường Mẫu giáo Bé Ngoan 5) được thành lập theo Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Quận 12, tọa lạc tại số 33 Phan Văn Hớn, Khu phố 4, phường Tân Thới Nhất, Quận 12 Thành phố Hồ Chí Minh. Năm học 2017-2018, trường được xây dựng mới tại số 1/1 đường Tân Thới Nhất 18, khu phố 4, phường Tân Thới Nhất, Quận 12. Gồm có 10 phòng học, 01 phòng chức năng và có các khối phòng hành chính khác.

Trường có đội ngũ cán bộ - giáo viên - nhân viên có trình độ chuyên môn, có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình trong công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, năng động, sáng tạo trong việc tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ ngoan, lễ phép, mạnh dạn trong giao tiếp, tích cực tham gia vào các hoạt động đã tạo được niềm tin đến cha mẹ học sinh nên nhu cầu gửi con của cha mẹ học sinh vào trường ngày càng cao.

Trường có Chi bộ độc lập gồm 13 đảng viên chính thức, có các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động tích cực, phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ. Trường luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của các cấp chính quyền địa phương, Phòng Giáo dục và Đào tạo. Chính những yếu tố nêu trên đã giúp cho Trường Mầm non Bé Ngoan ngày một phát triển. Trường đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 6 năm liên tục, từ năm học 2017-2018 đến nay.

2. Mục đích tự đánh giá

Trước yêu cầu thực tiễn về nâng cao chất lượng chăm sóc và giáo dục của ngành giáo dục mầm non. Trường Mầm non Bé Ngoan đã triển khai công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường theo nội dung tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Mục đích của việc tự đánh giá này giúp cho nhà trường xác định được mức độ đáp ứng mục tiêu giáo dục trong từng giai đoạn để xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ. Thông báo công khai với xã hội và các cơ quan quản lý Nhà nước về thực trạng giáo dục của nhà trường.

Qua việc tự đánh giá sẽ giúp cho tập thể nhà trường nhận ra được những điểm mạnh cũng như những điểm yếu, nhằm cải tiến và hoàn thiện chất lượng giáo dục của nhà trường, làm căn cứ để giải trình với các cơ quan chức năng, xã hội về thực trạng chất lượng giáo dục của nhà trường để cơ quan chức năng đánh giá và công nhận Trường Mầm non Bé Ngoan đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Căn cứ vào hướng dẫn thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2023-2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12, Trường Mầm non Bé Ngoan tự kiểm định chất lượng giáo dục với quy trình tự đánh giá như sau:

Ngày 14 tháng 6 năm 2023: họp lãnh đạo nhà trường để thảo luận dự kiến các thành viên Hội đồng tự đánh giá và các vấn đề liên quan đến triển khai hoạt động tự đánh giá. Thảo luận về nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên hội đồng; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm công tác và cá nhân; phổ biến kế hoạch tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường và các bên liên quan.

Ngày 21 tháng 6 năm 2023: tổ chức tập huấn về nghiệp vụ tự đánh giá cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường và các bên liên quan. Các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí.

Ngày 28 tháng 6 năm 2023: các nhóm công tác, cá nhân thực hiện phân tích tiêu chí, tìm minh chứng cho từng tiêu chí. Phân loại và mã hoá các minh chứng thu được. Lập bảng danh mục mã minh chứng các nhóm chuyên trách, cá nhân viết các phiếu đánh giá tiêu chí.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023: họp Hội đồng tự đánh giá để thảo luận về những vấn đề phát sinh từ các minh chứng thu được, những minh chứng cần thu

thập bổ sung và các vấn đề liên quan đến hoạt động tự đánh giá. Các nhóm chuyên trách, cá nhân báo cáo nội dung của từng phiếu đánh giá.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023: họp Hội đồng tự đánh giá để kiểm tra lại minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá và các nội dung liên quan. Tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung dự thảo báo cáo tự đánh giá. Thông qua báo cáo tự đánh giá đã chỉnh sửa, bổ sung. Công bố dự thảo báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường. Thu thập các ý kiến đóng góp dự thảo báo cáo tự đánh giá. Bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá sau khi có các ý kiến góp ý. Đề xuất những kế hoạch cải tiến chất lượng.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023: công bố báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường; niêm yết công khai thông qua bảng công khai và website của trường.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường Mầm non Bé Ngoan có phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường nhiệm kỳ 2022 đến 2027. Có bộ máy, cơ cấu tổ chức hoạt động theo quy định của Điều lệ trường Mầm non.

Các hội đồng trong nhà trường làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và có sự phối hợp chặt chẽ để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương và cơ quan quản lý giáo dục cấp trên; thực hiện tốt các phong trào thi đua do ngành giáo dục và địa phương phát động.

Thực hiện tốt công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản; quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên; tổ chức nhóm trẻ, lớp mẫu giáo đúng theo quy định; quản lý các hoạt động giáo dục; luôn chú trọng công tác đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tuyệt đối cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong đơn vị. Xây dựng và thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích trong trường Mầm non.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) *Phù hợp với mục tiêu giáo dục mầm non được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;*

b) *Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;*

c) *Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của Phòng Giáo dục và Đào tạo.*

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, cha mẹ trẻ và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có xây dựng phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường nhiệm kỳ 2022-2027 và đã đặt ra với mục tiêu giáo dục mầm non quy định tại luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 theo từng giai đoạn, phù hợp với các nguồn lực, địa phương và nhà trường theo từng giai đoạn, với sự tham gia đóng góp ý kiến của toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-01].

b) Kế hoạch phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 phê duyệt và triển khai thực hiện trong các năm học qua [H1-1.1-01].

c) Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường được thông qua trong buổi họp hội đồng sư phạm đầu năm học, họp phụ huynh học sinh, niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường và được đăng tải trên cổng thông tin điện tử của đơn vị <https://mnbengoan.hcm.edu.vn> [H1-1.1-03].

Mức 2

Nhà trường tổ chức giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển hằng tháng, hằng quý, học kỳ trong từng năm học qua các hoạt động thực hiện nhiệm vụ để đánh giá, rút ra bài học kinh nghiệm và đề ra biện pháp điều chỉnh [H1-1.1-01]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

Mỗi năm, nhà trường có rà soát, đối chiếu các chỉ tiêu trong phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01]. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển của trường có sự tham gia đầy đủ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên [H1-1.1-02]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]. Tuy nhiên, việc xây dựng kế hoạch này chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

2. Điểm mạnh

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển giai đoạn 2022-2027 được Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 phê duyệt đồng thời công khai đến đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị. Trong quá trình thực hiện, nhà trường có kiểm tra, giám sát để bổ sung, điều chỉnh việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng, phát triển nhà trường theo từng năm học.

3. Điểm yếu

Chiến lược phát triển chưa có sự tham gia đóng góp ý kiến của cha mẹ trẻ và cộng đồng. Nên các biện pháp đề ra trong kế hoạch phát triển của trường đạt hiệu quả chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy việc xây dựng kế hoạch chiến lược theo giai đoạn, kịp thời rà soát, bổ sung và điều chỉnh theo từng năm cho phù hợp với mục tiêu giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tình hình thực tế tại đơn vị. Hiệu trưởng tổ chức các buổi họp lấy ý kiến của cha mẹ trẻ và cộng đồng để bổ sung, hoàn chỉnh hơn việc xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển của trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;*
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;*
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.*

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Bé Ngoan có thành lập, bổ sung kiện toàn thành viên Hội đồng trường theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2023, Quyết định này gồm 07 thành viên bao gồm Chủ tịch là bà Nguyễn Thị Lệ Thu, thư ký là bà Đào Thị Bích Thảo và các thành viên [H1-1.2-01]. Hằng năm Hiệu trưởng nhà trường còn thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật [H1-1.2-02]; Hội đồng chấm sáng kiến [H1-1.2-03]; Hội đồng chấm giáo viên giỏi cấp trường theo quy định tại Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quyết định ban hành Điều lệ trường mầm non [H1-1.2-04].

b) Hội đồng trường thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định: đóng góp ý kiến cho phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường; đảm bảo các chế độ hội họp; đề xuất xét thi đua, khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên; tổ chức thẩm định, đánh giá các đề tài sáng kiến; tổ chức chấm thi, đề nghị công nhận giáo viên giỏi cấp trường [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

c) Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác thực hiện chế độ hội họp định kỳ ít nhất 03 lần/ 01 năm học để rà soát, bổ sung nhân sự kịp thời, thực hiện đầy đủ các báo cáo và có đánh giá việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng trường và các Hội đồng khác [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04].

Mức 2:

Hoạt động của Hội đồng trường và các Hội đồng khác luôn đạt hiệu quả, thông qua các phong trào thi đua, các hoạt động giảng dạy và giáo dục học sinh, góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.2-01]; [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03]; [H1-1.2-04]. Các thành viên trong Hội đồng trường còn phát biểu chung chung, chưa đề xuất biện pháp cụ thể.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thành lập Hội đồng trường và các Hội đồng khác theo quy định, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn; định kỳ có rà soát, đánh giá, góp phần nâng cao dần chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Các thành viên trong Hội đồng trường còn nêu ý kiến chung chung, chưa mạnh dạn đề xuất biện pháp cụ thể.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, chủ tịch và các thành viên trong Hội đồng trường và các Hội đồng khác thường xuyên tham khảo tài

liệu, văn bản, thông tư, nghị định để thực hiện đúng vai trò chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định, giúp nhà trường đề ra các biện pháp, giúp giáo viên mạnh dạn đưa ra những ý kiến cụ thể về nâng cao chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục. Chủ tịch định hướng đưa ra những vướng mắc, khó khăn cụ thể của nhà trường trong từng hoạt động để các thành viên trong hội đồng trường phát huy hết năng lực của mình mạnh dạn đề xuất hoạt động tối ưu trong các cuộc họp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác đóng góp hiệu quả cho các hoạt động của nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có tổ chức Công đoàn cơ sở gồm có 37 công đoàn viên trực thuộc Liên đoàn lao động Quận 12 [H1-1.3-01], Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có 10 đoàn viên trực thuộc Đoàn phường Tân Thới Nhất [H1-1.3-02]. Ngoài ra, nhà trường có các tổ chức xã hội như: Chi hội Khuyến học [H1-1.3-03], Chi hội Chữ thập đỏ [H1-1.3-04].

b) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường hoạt động theo quy định như: thực hiện theo Nghị quyết, điều lệ đã đề ra trong từng năm học, nhiệm kỳ, trên cơ sở tự nguyện, theo nguyên tắc tập trung dân chủ và phù hợp với đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; phù hợp với phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

c) Hằng năm, hoạt động của các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đều được rà soát như sau: Công đoàn cơ sở nhiều năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ, chi đoàn đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Chi hội Khuyến học, Hội chữ thập đỏ đạt thành thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04].

Mức 2:

a) Chi bộ Trường Mầm non Bé Ngoan trực thuộc Đảng bộ phường Tân Thới Nhất được thành lập theo Quyết định số 193-QĐ/ĐU ngày 16 tháng 4 năm 2008. Bí thư chi bộ là Hiệu trưởng nhà trường, chi bộ gồm có 13 đảng viên chính thức, trong đó 03 cán bộ quản lý, 08 giáo viên, 02 nhân viên. Tổ chức sinh hoạt định kỳ hàng tháng theo quy định. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm tự đánh giá, chi bộ được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05].

b) Các đoàn thể và các tổ chức khác trong nhà trường đóng góp tích cực cho các hoạt động của nhà trường. Công đoàn tích cực đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động của công đoàn; chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia kiểm tra, giám sát hoạt động của đơn vị; tuyên truyền, vận động người lao động học tập nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật và được Liên đoàn lao động Quận 12 đánh giá công đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-01]; [H1-1.3-06]. Chi đoàn tích cực

thực hiện các hoạt động phong trào do đoàn phường phát động, tham gia các ngày chủ nhật xanh, chia sẻ yêu thương, tích cực ủng hộ, hỗ trợ đóng góp cho những hoạt động thiện nguyện; tổ chức các hoạt động, tạo môi trường giáo dục, rèn luyện đoàn viên nhằm góp phần thực hiện các nhiệm vụ của đơn vị và được đánh giá là chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ [H1-1.3-02]; [H1-1.3-06]. Chi hội Khuyến học nhà trường luôn tích cực hỗ trợ việc dạy và học, góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ giáo viên, nhân viên trong đơn vị, xây dựng thành công xã hội học tập, nuôi heo đất hỗ trợ cho các bạn có hoàn cảnh khó khăn

[H1-1.3-03]; [H1-1.3-06]. Chi hội Chữ thập đỏ trong trường thường xuyên tuyên truyền các kiến thức, biện pháp chăm sóc sức khỏe, phòng dịch bệnh cho bản thân, gia đình và học sinh; tham gia đóng góp theo kế hoạch vận động của hội, tham gia hiến máu nhân đạo [H1-1.3-04]; [H1-1.3-06].

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, Chi bộ đạt thành tích hoàn thành tốt nhiệm vụ [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

b) Hằng năm, các đoàn thể và các tổ chức khác thường xuyên tham gia tốt các hoạt động phong trào, các hoạt động tình nguyện tại địa phương, thực hiện công tác chăm lo người nghèo và trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, đóng góp quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo, đóng góp xây dựng nhà tình thương, quỹ vì biển đảo Quê hương, quỹ vì tuyến đầu tổ quốc, hỗ trợ đồng bào miền trung khắc phục hậu quả do thiên tai, hỗ trợ giúp đỡ nhân dân Thổ Nhĩ Kỳ và Syria khắc phục hậu quả. Bên cạnh đó Chi đoàn phối hợp cùng đoàn phường tích cực tham gia các hoạt động tại cộng đồng như chiến dịch mùa hè xanh, hoa phượng đỏ. [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]; [H1-1.3-05]; [H1-1.3-06].

2. Điểm mạnh

Chi bộ đảng, tổ chức Công đoàn và đoàn Thanh niên trong nhà trường hằng năm đều được rà soát, kiểm tra, đánh giá và được xếp loại tốt trở lên. Các

đoàn thể luôn có nhiều đóng góp tích cực và hiệu quả trong công tác thiện nguyện và thực hiện tốt các phong trào tại cộng đồng.

3. Điểm yếu

Một số hội viên Chi hội Khuyến học nhà trường đóng góp cho phong trào khuyến học của ngành, địa phương còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì cơ cấu bộ máy tổ chức theo quy định tại Điều lệ trường mầm non và phát huy vai trò của các tổ chức trong nhà trường. Bí thư chi bộ, hiệu trưởng phối hợp với đoàn thể và các tổ chức khác luôn giữ mối liên hệ mật thiết, nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng của đội ngũ. Tổ chức tuyên truyền các hoạt động của đoàn thể bằng nhiều hình thức. Phân công, tạo điều kiện cho hội viên Chi hội Khuyến học tham gia, đóng góp tích cực cho các hoạt động phong trào khuyến học của ngành, địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;*
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;*
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.*

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề chuyên môn có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục*
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng được định kỳ rà soát đánh giá, điều chỉnh.*

Mức 3:

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động của nhà trường;*

b) *Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Bé Ngoan có cơ cấu gồm hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng [H1-1.4-01]. Hiệu trưởng là bà Nguyễn Thị Lệ Thu được Ủy ban nhân dân Quận 12 điều động và bổ nhiệm theo Quyết định số 4169/QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2022; phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục là bà Võ Thị Viên được Ủy ban nhân dân Quận 12 kéo dài thời gian giữ chức vụ theo Quyết định số 4179/QĐ-UBND 09 tháng 8 năm 2022; phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng là bà Lê Thị Mai Hân được Ủy ban nhân dân Quận 12 bổ nhiệm theo Quyết định 4302/QĐ-UBND ngày 27 tháng 8 năm 2021 [H1-1.4-02].

b) Trường Mầm non Bé Ngoan có cơ cấu tổ chức tổ chuyên môn và tổ văn phòng đúng theo quy định tại Thông tư số 52/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 về ban hành Điều lệ trường mầm non gồm: 04 tổ chuyên môn (tổ Nhà trẻ-Mầm; tổ Chồi; tổ Lá, tổ cấp dưỡng và 01 tổ văn phòng) do hiệu trưởng ra quyết định thành lập [H1-1.4-03].

c) Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng có xây dựng kế hoạch hoạt động năm, tháng, tuần nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng hiệu quả trong công tác của đội ngũ; giúp hiệu trưởng quản lý tài chính, tài sản, lưu giữ hồ sơ, sử dụng tài liệu, đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị, tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non đồng thời đề xuất khen thưởng cán bộ, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ [H1-1.4-04].

Mức 2:

a) Hằng năm, để nâng cao chất lượng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ đạt hiệu quả, tổ chuyên môn đều có đề xuất và thực hiện các chuyên

đề về công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ các cấp theo kế hoạch đã đề ra trong các năm [H1-1.4-05].

b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức họp định kỳ ít nhất 02 tuần một lần đúng theo quy định. Qua các buổi họp, tổ chuyên môn và tổ văn phòng rà soát, đánh giá các hoạt động trong tổ cho phù hợp với tình hình thực tế, điều chỉnh bổ sung hoạt động khi có sự thay đổi từ cấp trên, bổ sung nội dung dự giờ chuyên môn khi tổ viên chưa nắm vững phương pháp thực hiện [H1-1.4-04].

Mức 3:

a) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng tổ chức họp định kỳ hai lần trong tháng để rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động trong tổ cho phù hợp với tình hình thực tế. Tuy nhiên nội dung sinh hoạt của tổ chuyên môn chưa phong phú, chưa mạnh dạn nêu ý kiến góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ [H1-1.4-04].

b) Các tổ chuyên môn thực hiện có hiệu quả các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ cụ thể đã tổ chức qua các chuyên đề cấp trường [H1-1.4-05].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có hiệu trưởng, hai phó hiệu trưởng theo quy định. Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức, sinh hoạt định kỳ, rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của tổ theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Tổ chuyên môn thực hiện tốt các chuyên đề đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ tại đơn vị.

3. Điểm yếu

Nội dung sinh hoạt của tổ chuyên môn chưa phong phú, chưa mạnh dạn nêu ý kiến góp phần nâng cao chất lượng nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023 - 2024 và các năm tiếp theo, nhà trường duy trì các hoạt động sinh hoạt định kỳ, rà soát đánh giá, điều chỉnh các hoạt động của tổ chuyên môn theo quy định. Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, phân công, tạo điều kiện cho thành viên các tổ chuyên môn tham quan

học tập trường bạn, tổ chức các chuyên đề nhằm khuyến khích, động viên đội ngũ giáo viên, nhân viên đóng góp ý kiến, chia sẻ chuyên môn để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.5: Tổ chức nhóm trẻ và lớp mẫu giáo

Mức 1:

a) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được phân chia theo độ tuổi; trong trường hợp số lượng trẻ trong mỗi nhóm, lớp không đủ 50% so với số trẻ tối đa quy định tại Điều lệ trường mầm non thì được tổ chức thành nhóm trẻ ghép hoặc lớp mẫu giáo ghép;

b) Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học 02 buổi trên ngày;

c) Mỗi nhóm trẻ, lớp mẫu giáo có không quá 02 (hai) trẻ cùng một dạng khuyết tật.

Mức 2:

Số trẻ trong các nhóm trẻ và lớp mẫu giáo không vượt quá quy định và được phân chia theo độ tuổi.

Mức 3:

Nhà trường có không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 10 nhóm, lớp được phân chia theo độ tuổi đúng quy định gồm có 01 nhóm trẻ 25-36 tháng tuổi, 02 lớp Mẫu giáo 3-4 tuổi; 03 lớp Mẫu giáo 4-5 tuổi; 04 lớp Mẫu giáo 5-6 tuổi [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

b) Năm học 2022-2023, nhà trường có 324/324 trẻ tỉ lệ 100% ở nhóm trẻ, lớp Mẫu giáo được tổ chức học hai buổi trên ngày đúng theo quy định tại Điều 15 của Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 [H1-1.5-03].

c) Trong các năm qua, trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-02].

Mức 2:

Thực hiện Quyết định số 2430/QĐ-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2022 về huy động trẻ ra lớp và tuyển sinh vào các lớp đầu cấp năm học 2022-2023, nhà trường đã tuyển được 324 trẻ/10 lớp, trong đó có: 01 nhóm trẻ 25-36 tháng tuổi (25 trẻ), 02 lớp Mẫu giáo 3-4 tuổi (50 trẻ), 03 lớp Mẫu giáo 4-5 tuổi (109 trẻ), 04 lớp Mẫu giáo 5-6 tuổi (140 trẻ); 100% trẻ tại đơn vị được phân chia vào các lớp phù hợp theo độ tuổi, đảm bảo sĩ số theo quy định [H1-1.5-01]. Tuy nhiên, số lượng trẻ ở khối lớp Mẫu giáo 4-5 tuổi nhiều hơn so với quy định.

Mức 3:

Nhà trường có 10 nhóm lớp trong đó: 01 nhóm trẻ và 09 lớp mẫu giáo; không quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp Mẫu giáo theo quy định [H1-1.5-01]; [H1-1.5-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có 10 nhóm trẻ, lớp mẫu giáo, trẻ được phân chia theo độ tuổi. Các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo được tổ chức học hai buổi trên ngày; không có trẻ bị khuyết tật học hòa nhập; số nhóm lớp đảm bảo không vượt quá 20 (hai mươi) nhóm trẻ, lớp mẫu giáo theo quy định.

3. Điểm yếu

Số lượng trẻ ở khối lớp Mẫu giáo 4-5 tuổi nhiều hơn so với quy định.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục duy trì số lượng nhóm lớp, hiệu trưởng xây dựng kế hoạch để giảm sĩ số học sinh khối lớp Mẫu giáo 4-5 tuổi theo đúng quy định.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn, dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ nhà trường được lưu trữ theo quy định Luật văn thư lưu trữ theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ Nghị định về công tác văn thư. Hồ sơ được lưu trữ đầy đủ thông tin, sắp xếp khoa học bảo đảm tính kế thừa, tính thống nhất, đảm bảo độ xác thực [H1-1.6-01].

b) Nhà trường lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản theo quy định Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 9 năm 2015 và Luật kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội [H1-1.6-03]. Hằng tháng, nhà trường thực hiện công khai tài chính trong các buổi họp liên tịch, họp hội đồng và trên bản niêm yết tại phòng kế toán để tập thể sư phạm trường nắm bắt được tình hình tài chính, chế độ thu chi của nhà trường. Hằng năm, quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường được các tổ công đoàn bàn bạc thảo luận rất kỹ, bổ sung cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành [H1-1.1-05]; [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].

c) Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục: thực hiện đầy đủ các chính sách cho đội ngũ và người lao động theo quy định hiện hành, thực hiện kê khai tăng giảm tài

sản, kiểm tra tài sản, kế hoạch mua sắm đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị hàng năm để bổ sung kịp thời nhằm nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục [H1-1.6-04].

Mức 2:

a) Nhà trường thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng các phần mềm trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản; các phần mềm thường xuyên được nâng cấp, bảo trì [H1-1.6-05].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có dấu hiệu vi phạm liên quan đến quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo biên bản kiểm tra quyết toán hằng năm của phòng tài chính kế hoạch Quận kiểm tra [H1-1.6-02].

Mức 3:

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Bộ phận văn phòng, cán bộ quản lý ứng dụng tốt công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường và không có dấu hiệu vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản. Kế hoạch luôn phản ánh đầy đủ các chi tiết của các nguồn thu, mức thu phù hợp với chức năng nhiệm vụ được giao, chế độ tài chính theo quy định.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục quản lý sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục. Đồng thời, hiệu trưởng tham mưu xây dựng kế hoạch trung hạn,

dài hạn để tạo ra các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện thực tế của trường và địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch cụ thể để bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên. Nhà trường khuyến khích và tạo điều kiện cho giáo viên, nhân viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn [H1-1.7-01].

b) Vào đầu năm học, nhà trường xây dựng bảng phân công cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý, đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường, được cán bộ quản lý thống nhất và thực hiện trong nhà trường [H1-1.4-03].

c) Đầu năm nhà trường có xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường luôn được quan tâm và được đảm bảo đầy đủ các quyền lợi theo quy định: chế độ tiền lương, tiền khen thưởng, bảo hiểm, chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ khám sức khỏe định kỳ mỗi năm 01 lần [H1-1.6-03]; [H1-1.6-04].

Mức 2:

Hàng năm, nhà trường có các biện pháp để phát huy được năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường: tăng cường công tác kiểm tra nội bộ, tổ chức các chuyên đề [H1-1.4-05]; [H1-1.7-02]. Tuy nhiên, còn vài giáo viên mới tuyển dụng chưa có nhiều kinh nghiệm trong một số hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ.

2. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ hằng năm theo kế hoạch của Phòng Giáo dục và Đào tạo; giáo viên, nhân viên được phân công hợp lý để phát huy tối đa năng lực cũng như sở trường công tác, đồng thời được đảm bảo đầy đủ mọi quyền theo quy định.

3. Điểm yếu

Còn vài giáo viên mới tuyển dụng chưa có nhiều kinh nghiệm trong một số hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng phối kết hợp với phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho các giáo viên mới tuyển dụng. Tạo điều kiện thuận lợi cho các giáo viên được học hỏi, để phục vụ có hiệu quả hơn trong công tác nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục căn cứ Văn bản hợp nhất 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục mầm non; căn cứ Kế hoạch số 1140/KH-GDĐT-MN kế hoạch năm học 2023-2024 của bậc học mầm non ngày 07 tháng 9 năm 2023; căn cứ vào tình hình cơ sở vật chất, nguồn lực, đặc điểm tâm sinh lý của trẻ để xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường [H1-1.8-01].

b) Kế hoạch giáo dục được giáo viên thực hiện đầy đủ như: kế hoạch năm, kế hoạch tháng, kế hoạch tuần trên phần mềm Mindjet 8.0. Các nội dung trong kế hoạch có sự thống nhất, xuyên suốt và logic trong quá trình thực hiện [H1-1.8-01]. Tuy nhiên, còn vài giáo viên mới ra trường chưa thành thạo soạn giảng kế hoạch trực tiếp trên phần mềm Mindjet 8.

c) Kế hoạch giáo dục của giáo viên được phó hiệu trưởng và tổ trưởng chuyên môn kiểm tra phối hợp nhận xét, rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời theo tháng, cuối học kỳ và cuối năm học cho phù hợp tình hình thực tế tại các lớp thông qua hoạt động khảo sát, đánh giá sự phát triển của trẻ [H1-1.8-02].

Mức 2:

Nhà trường có đề ra các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá đối với các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ em, nhằm nâng cao hiệu quả công tác nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ tại đơn vị, được các cấp có thẩm quyền kiểm tra, nhận xét, đánh giá đạt hiệu quả [H1-1.8-03].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch giáo dục nhà trường và kế hoạch giáo dục của giáo viên được thực hiện đầy đủ các nội dung theo quy định, luôn được rà soát, đánh giá và kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Cán bộ quản lý có nhiều đổi

mới về phương pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá và được Phòng Giáo dục và Đào tạo đánh giá cao.

3. Điểm yếu

Còn vài giáo viên mới ra trường chưa thành thạo soạn giảng kế hoạch trực tiếp trên phần mềm Mindjet 8.0.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và những năm học tiếp theo. Hiệu trưởng tiếp tục duy trì chỉ đạo, bồi dưỡng công tác chuyên môn nghiệp vụ, thực hiện kế hoạch luôn phù hợp với quy định hiện hành. Thường xuyên duy trì công tác rà soát, đánh giá, điều chỉnh kế hoạch giáo dục để phát huy những mặt đã thực hiện tốt. Tiếp tục tổ chức tập huấn cho giáo viên mới ra trường còn hạn chế công nghệ thông tin soạn giảng kế hoạch trực tiếp trên phần mềm Mindjet 8.0.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm trước khi xây dựng kế hoạch năm học, kế hoạch giáo dục, các nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của đơn vị, nhà trường tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến liên quan đến các hoạt động của nhà trường như: quy chế dân chủ, quy

chế tổ chức trong hoạt động nhà trường, quy chế chi tiêu nội bộ, nội quy cơ quan...

[H1-1.9-01]; [H1-1.6-04].

b) Nhà trường luôn nhận thức rõ các quy định và nghiêm túc thực hiện, phân công cụ thể cán bộ quản lý tiếp công dân để giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý nhà trường theo đúng pháp luật. Trong những năm qua nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo [H1-1.9-02].

c) Hằng năm, nhà trường thực hiện báo cáo Quy chế dân chủ cơ sở đúng quy định [H1-1.9-01].

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường luôn được công khai minh bạch tại các cuộc hội họp hội đồng liên tịch, hội đồng sư phạm, hội nghị, niêm yết tại bảng tin. Tuy nhiên, một vài cá nhân chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong các hoạt động [H1-1.3-01]; [H1-1.9-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện đúng và đầy đủ quy chế dân chủ đã được thống nhất trong tập thể; thực hiện tốt các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ trong nhà trường đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Điểm yếu

Còn một vài giáo viên, nhân viên chưa mạnh dạn đóng góp ý kiến trong việc xây dựng kế hoạch, quy chế, liên quan đến hoạt động của đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục phát huy vai trò trách nhiệm của người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện quy chế dân chủ, hoạt động của các đoàn thể trong đơn vị, động viên gợi ý để các thành viên mạnh dạn góp ý, rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện để tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại đơn vị.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho trẻ được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ được phổ biến, hướng dẫn thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có xây dựng và triển khai đến đội ngũ các phương án như: đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống thảm họa thiên tai [H1-1.10-05]; phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]. Ngoài ra, nhà trường có tổ chức

bếp ăn cho trẻ tại trường và được công nhận bếp ăn đủ điều kiện an toàn thực phẩm số 10/2018/ATTP-CNĐK ngày 17 tháng 01 năm 2018 [H1-1.10-02].

b) Nhà trường có trang bị hộp thư góp ý đặt ở cổng trường, lịch tiếp công dân, đường dây nóng 028.37191241, <https://mnbengoanq12.hcm.edu.vn> để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của cha mẹ trẻ [H1-1.9-02]; đảm bảo phối hợp với bảo vệ, công an phường, các đoàn thể, cha mẹ trẻ nhằm đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ trong nhà trường [H1-1.10-01].

c) Nhà trường không có phản ánh về tình trạng kỳ thị, không có hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới [H1-1.9-02].

Mức 2:

a) Hằng năm nhà trường phổ biến hướng dẫn cho tất cả cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự [H1-1.10-01]; phương án vệ sinh an toàn thực phẩm [H1-1.10-02]; an toàn phòng chống tai nạn, thương tích trong nhà trường [H1-1.10-03]; an toàn phòng, chống cháy nổ [H1-1.10-04]; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai [H1-1.10-05]; phương án phòng, chống dịch bệnh [H1-1.10-06]; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường [H1-1.10-07]. Tuy nhiên, nhà trường chưa thực hiện diễn tập phương án về an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.1-02];[H1-1.10-07];[H1-1.10-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có xây dựng và triển khai các phương án để đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; có các hình thức tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của người dân; không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa thực hiện diễn tập phương án về an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt các phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, duy trì bếp ăn đủ điều kiện an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; tổ chức bếp ăn cho trẻ đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Tiếp nhận, kịp thời xử lý tốt các thông tin phản ánh của người dân để đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên và trẻ.

Tháng 05 năm 2024, hiệu trưởng sẽ phối kết hợp với các cơ quan chuyên ngành hướng dẫn các bộ phận thực hiện diễn tập phương án phòng, chống thảm họa thiên tai.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh nổi bật

Trường Mầm non Bé Ngoan có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định, các hội đồng, các tổ chức đoàn thể được thành lập đầy đủ. Chi bộ Đảng và các tổ chức đoàn thể có sự phối hợp tốt cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Hiệu trưởng và các phó hiệu trưởng có kế hoạch thực hiện nhiệm vụ quản lý và chỉ đạo kịp thời mọi hoạt động trong nhà trường.

Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cơ bản có định hướng cụ thể, phù hợp với thực trạng của đơn vị, của địa phương qua từng giai đoạn được cấp quản lý phê duyệt và công khai đến đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Nhà trường xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ, đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả. Thực hiện tốt việc quản lý hành chính, tài chính, tài sản sử dụng đúng mục đích và hiệu quả.

Nhà trường xây dựng đầy đủ các phương án đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và trẻ khi sinh hoạt tại trường. Trường có xây dựng đầy đủ hội đồng trường và các hội đồng khác thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ theo điều lệ trường mầm non.

Các tổ chuyên môn thực hiện nghiêm túc các quy chế chuyên môn, tích cực triển khai các chuyên đề chuyên môn, tăng cường bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên, nhân viên, sinh hoạt chuyên môn đều đặn và đạt hiệu quả.

Điểm yếu cơ bản

Việc tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa có sự tham gia của cha mẹ trẻ và cộng đồng.

Trường chưa xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn để tạo ra nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường.

Ý kiến đóng góp của giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng kế hoạch, quy chế liên quan đến hoạt động của đơn vị chưa nhiều.

Giáo viên mới tuyển dụng nên chưa có kinh nghiệm, còn hạn chế trong việc sáng tạo về chuyên môn.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/10

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Mở đầu:

Trường Mầm non Bé Ngoan có cơ cấu nhân sự đảm bảo đầy đủ đúng theo quy định Điều lệ trường mầm non. Cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, đủ năng lực để triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ, nhà trường luôn tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên học tập nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được mục tiêu giáo dục đề ra.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;

c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng có bằng Đại học Sư phạm Mầm non; hiệu trưởng có thời gian công tác 28 năm với 23 năm làm công tác quản lý, phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục có thời gian công tác 37 năm với 16 năm làm công tác quản lý, phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có thời gian công tác 11 năm với 03 năm làm công tác quản lý. Đạt trình độ Trung cấp lý luận chính trị theo quy định [H1-1.4-02].

b) Hằng năm, hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng đều được tập thể giáo viên, nhân viên nhận xét, góp ý xếp loại tốt theo quy định đánh giá chuẩn hiệu trưởng theo Thông tư 25/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018 do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định [H2-2.1-01].

c) Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục, có chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin. Hiệu trưởng đã qua lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên và cộng tác viên thanh tra, tuy nhiên chưa tham gia học nâng chuẩn về trình độ ngoại ngữ [H1-1.4-02].

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục được đánh giá xếp loại tốt 05 năm liên. Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng được bổ nhiệm từ năm 2021-2022 đến nay có 02 năm được đánh giá tốt [H2-2.1-01].

b) Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng có trình độ Trung cấp lý luận chính trị; thường xuyên được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị thông qua các

buổi học chính trị, nghị quyết [H1-1.4-02]; [H1-1.7-01] được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm [H2-2.1-01].

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục được đánh giá 05 năm xếp loại tốt. Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có 02 năm được đánh giá xếp loại tốt. [H2-2.1-01].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng và hai phó hiệu trưởng có phẩm chất đạo đức, đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định, có đủ năng lực và trình độ trong công tác quản lý, nắm vững chương trình giáo dục mầm non, thành thạo trong việc ứng dụng công nghệ thông tin, được sự tín nhiệm của cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đơn vị và tạo được sự đồng thuận trong đội ngũ, có uy tín với nhân dân địa phương.

3. Điểm yếu

Hiệu trưởng chưa tham gia học nâng chuẩn về trình độ ngoại ngữ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024, hiệu trưởng có định hướng cụ thể, theo dõi công tác tuyển sinh để tham gia học nâng chuẩn về trình độ ngoại ngữ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

- a) Có đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo quy định;*
- b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;*
- c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.*

Mức 2:

- a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;*

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đủ số lượng giáo viên nhóm trẻ và mẫu giáo theo quy định tại Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn định mức biên chế sự nghiệp trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập [H1-1.4-02]; [H1-1.4-03].

b) Giáo viên nhà trường đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định [H1-1.4-02].

Tỷ lệ	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Tỷ lệ % giáo viên đạt chuẩn	20/20 Đạt tỷ lệ 100%	21/21 Đạt tỷ lệ 100%	21/21 Đạt tỷ lệ 100%	19/19 Đạt tỷ lệ 100%	21/21 Đạt tỷ lệ 100%
Tỷ lệ % giáo viên	19/20 Đạt tỷ lệ	20/21 Đạt tỷ lệ	20/21 Đạt tỷ lệ	18/19 Đạt tỷ lệ	21/21 Đạt tỷ lệ

trên chuẩn	95,00%	95,23%	95,23%	94,73%	100%
-------------------	--------	--------	--------	--------	------

c) Năm học 2022-2023 trường có 21 trong đó 18 giáo viên được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp giáo viên theo Thông tư 26/2018/TT-BGDĐT ngày 08 tháng 10 năm 2018. Còn 03 giáo viên mới tuyển dụng chưa đủ thời gian đánh giá [H2-2.2-01].

Năm học	Tổng số giáo viên	Chuẩn nghề nghiệp mức đạt	Chuẩn nghề nghiệp mức khá	Chuẩn nghề nghiệp mức tốt
Năm học 2018-2019	20	00/20 đạt tỷ lệ 0%	20/20 đạt tỷ lệ 100%	00/20 đạt tỷ lệ 0%
Năm học 2019-2020	21	00/21 đạt tỷ lệ 0%	02/21 đạt tỷ lệ 9,52%	19/21 đạt tỷ lệ 90,47%
Năm học 2020-2021	21	00/21 đạt tỷ lệ 0%	03/21 đạt tỷ lệ 14,28%	18/21 đạt tỷ lệ 85,71%
Năm học 2021-2022	19	00/19 đạt tỷ lệ 0%	3/19 đạt tỷ lệ 15,78%	16/19 đạt tỷ lệ 84,21%
Năm học 2022-2023	21 (03 giáo viên mới tuyển dụng vào tháng 6)	00/21 đạt tỷ lệ 0%	01/21 đạt tỷ lệ 5,55% (03 giáo viên mới tuyển dụng vào tháng 6)	17/21 đạt tỷ lệ 94,44% (03 giáo viên mới tuyển dụng vào tháng 6)

Mức 2:

a) Năm học 2022-2023, nhà trường có 21/21 giáo viên đạt trình độ trên chuẩn đạt tỷ lệ 100%; từ năm học 2018-2019 đến nay, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình [H1-1.4-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó tại thời điểm đánh giá có 100% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên (03 giáo viên mới tuyển dụng tháng 06/2023 nên không đánh giá) [H2-2.2-01].

c) Từ tháng 8 năm 2018 cho đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

a) Nhà trường có 21/21 giáo viên đạt trên chuẩn trình độ đào tạo, tỷ lệ 100%, phù hợp lộ trình chuẩn hóa về trình độ giáo viên mầm non [H1-1.4-02].

b) Tại thời điểm đánh giá, nhà trường có 18/18/21 giáo viên được đánh giá đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên từ mức khá trở lên tỷ lệ 100% (03 giáo viên mới tuyển dụng tháng 06/2023 không đánh giá); trong đó có 17/18/21 giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp ở mức tốt tỷ lệ 94,44% [H2-2.2-01].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đội ngũ giáo viên đảm bảo về số lượng và cơ cấu hợp lý để thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ. Số lượng giáo viên của nhà trường đạt trình độ trên chuẩn cao hơn so với quy định. Đội ngũ giáo viên được đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên hằng năm đạt kết quả từ khá trở lên với tỷ lệ cao, không có giáo viên bị kỷ luật.

3. Điểm yếu

Trường có 03 giáo viên mới tuyển dụng vào tháng 06 nên không thể đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp các giáo viên này. Vì vậy, trường chỉ đánh giá xếp loại theo tại thời điểm đánh giá là 18/18/21 giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 hiệu trưởng và phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục tiếp tục chỉ đạo và tạo điều kiện cho các giáo viên này thực hiện tốt các hoạt

động chăm sóc và giáo dục trẻ tại trường, để trong các cô được đánh giá xếp loại chuẩn nghề nghiệp như các giáo viên khác.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có 13 nhân viên đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non: 01 nhân viên kế toán, 01 nhân viên văn thư kiêm nhiệm công tác y tế; 02 nhân viên bảo vệ, 05 nhân viên cấp dưỡng, 02 nhân viên phục vụ, 02 nhân viên nuôi dưỡng [H1-1.4-02].

b) Vào đầu năm học, hiệu trưởng ban hành các quyết định phân công nhiệm vụ cho nhân viên, phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, năng lực và sở trường từng cá nhân [H1-1.4-03].

c) Đội ngũ nhân viên của nhà trường thực hiện và hoàn thành đầy đủ các nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ trường mầm non và được đánh giá hằng năm [H2-2.3-01].

Mức 2:

a) Nhà trường có 13 nhân viên theo quy định tại khoản 3 Điều 4 và khoản 4 Điều 5 Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 16 tháng 03 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ, quy định về danh mục khung vị trí việc làm và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục mầm non công lập. Tuy nhiên số lượng cấp dưỡng còn thiếu 02 người [H1-1.4-02].

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05].

Mức 3:

a) Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm như: kế toán có trình độ Đại học chuyên ngành tài chính- ngân hàng; văn thư có trình độ Trung cấp văn thư lưu trữ; 01 cấp dưỡng có trình độ Cao đẳng, 03 cấp dưỡng có trình độ Trung cấp, 01 cấp dưỡng có chứng chỉ Sơ cấp nấu ăn. Tuy nhiên nhân viên văn thư kiêm nhiệm công tác y tế học đường chưa có văn bằng y tế [H1-1.4-02].

b) Hằng năm, các nhân viên được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm như: tập huấn công tác văn thư lưu trữ, công tác tài chính kế toán, vệ sinh an toàn thực phẩm, truyền thông phòng chống dịch bệnh, tập huấn sơ cấp cứu, tập huấn mắt học đường, tập huấn truyền thông giáo dục sức khỏe, tập huấn cách tính khẩu phần dinh dưỡng trên máy vi tính, bảo vệ được tập huấn công tác bảo vệ trật tự an toàn trường học và phòng chống cháy nổ [H1-1.7-01].

2. Điểm mạnh

Đội ngũ nhân viên của trường thực hiện đúng công việc được phân công và thực hiện công tác kiêm nhiệm đầy đủ; luôn hoàn thành công việc được giao và không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Số lượng cấp dưỡng còn thiếu 02 người, nhân viên văn thư kiêm nhiệm công tác y tế học đường nên chưa có văn bằng về y tế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Vào tháng 9 năm học 2023-2024 hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện để nhân viên văn thư kiêm nhiệm công tác y tế học đường được học tập thêm kinh nghiệm thực hiện về công tác y tế ở các trường bạn. Tiếp tục tham mưu đề xuất với các cấp lãnh đạo tăng định mức số người làm việc trong vị trí việc làm đối với nhóm chức danh kế toán, văn thư, y tế, thủ quỹ để trường được tuyển dụng thêm chức danh y tế chuyên trách. Có kế hoạch cụ thể tuyển thêm nhân viên cấp dưỡng kịp thời đáp ứng đủ, đúng vị trí làm việc trong nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh nổi bật

Cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn, năng lực quản lý giáo dục và tổ chức các hoạt động vững vàng và được giáo viên, nhân viên tin nhiệm; giáo viên, nhân viên có năng lực chuyên môn thực hiện đúng nhiệm vụ được giao.

Giáo viên đảm bảo về số lượng và cơ cấu hợp lý để thực hiện tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Đội ngũ nhân viên có tinh thần ý thức trách nhiệm cao, luôn hỗ trợ, phối hợp thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công, hoàn thành tốt công tác được giao.

Điểm yếu cơ bản

Số lượng cấp dưỡng còn thiếu 02 người, nhân viên văn thư kiêm nhiệm công tác y tế học đường nên chưa có văn bằng về y tế.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 03/03

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/03

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu:

Nhà trường có tổng diện tích khuôn viên, sân trường và các khối công trình được xây dựng khang trang, sạch sẽ, thoáng mát đáp ứng đủ về điều kiện và quy

cách xây dựng, khu vực sân chơi có nhiều đồ dùng đồ chơi, cây xanh, cây kiểng, tạo quang cảnh đẹp, đáp ứng nhu cầu cho trẻ vận động. Các công trình của nhà trường được xây dựng kiên cố, các đồ dùng đồ chơi, trang thiết bị trong lớp và ngoài trời được trang bị theo đúng tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục hiện nay, thường xuyên được sửa chữa, bổ sung kịp thời giúp đội ngũ giáo viên an tâm công tác.

Tiêu chí 3.1: Diện tích, khuôn viên và sân vườn

Mức 1:

a) Diện tích khu đất xây dựng hoặc diện tích sàn xây dựng bình quân tối thiểu cho một trẻ đảm bảo theo quy định;

b) Có cổng, biển tên trường, tường hoặc hàng rào bao quanh; khuôn viên đảm bảo vệ sinh, phù hợp cảnh quan, môi trường thân thiện và an toàn cho trẻ;

c) Có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp; sân chơi chung; sân chơi - cây xanh bố trí phù hợp với điều kiện của nhà trường, an toàn, đảm bảo cho tất cả trẻ được sử dụng.

Mức 2:

a) Diện tích xây dựng công trình và diện tích sân vườn đảm bảo theo quy định;

b) Khuôn viên có tường bao ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm, lớp; có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa đẹp; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập;

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định; có rào chắn an toàn ngăn cách với ao, hồ (nếu có)

Mức 3:

Sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đủ các loại thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và có bổ sung thiết bị đồ chơi ngoài Danh mục phù hợp với thực tế, đảm bảo an toàn cho trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường Mầm non Bé Ngoan có diện tích sàn xây dựng và diện tích sân chơi là 3408,4 m² bình quân 10,51 m²/trẻ. Trường được xây dựng kiên cố với qui mô 03 tầng (một trệt, hai lầu). Đáp ứng theo quy định tại Chương II của Thông tư 13/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường mầm non [H3-3.1-01].

b) Trường Mầm non Bé Ngoan có cổng trường được thiết kế kiên cố với biển tên trường được ốp đá granite, chữ Inox với đầy đủ thông tin cơ quan chủ quản, tên đơn vị, địa chỉ, số điện thoại và được đặt trước cổng chính đúng theo quy định. Khuôn viên trường có tường rào, bao xung quanh được xây bằng gạch chắc chắn, phía trên có gắn chông gai bằng sắt kiên cố để bảo vệ tài sản của nhà trường và an toàn cho trẻ. Trường có góc vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập [H3-3.1-02].

c) Nhà trường có sân chơi, hiên chơi, hành lang của nhóm, lớp bố trí phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, lan can cao trên 1m theo đúng quy định tại Thông tư 13/2020/TT-BGDĐT đảm bảo an toàn cho trẻ [H3-3.1-03].

Mức 2:

a) Trường Mầm non Bé Ngoan, có diện tích xây dựng công trình là 766,2 m² và diện tích sân chơi là 1401 m² đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01].

b) Khuôn viên nhà trường có tường bao quanh ngăn cách với bên ngoài; có sân chơi của nhóm lớp, xung quanh trường có cây xanh, thường xuyên được chăm sóc, cắt tỉa; có vườn cây dành riêng cho trẻ chăm sóc, bảo vệ và tạo cơ hội cho trẻ khám phá, học tập. Tuy nhiên nhà trường còn thiếu nhiều cây xanh tạo bóng mát cho trẻ [H3-3.1-03].

c) Khu vực trẻ chơi có đủ thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định, sân vườn luôn sạch sẽ, phù hợp với trẻ như: cầu trượt liên hoàn, bộ vận động ngói nhà, bộ vận động đa năng vui nhộn, cầu khỉ, xích đu, thang leo thỏ dục, chơi cát, nước, cầu đi thăng bằng, trò chơi leo núi [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

Mức 3:

Nhà trường có bố trí khu vực riêng để cho trẻ thực hiện các hoạt động phát triển thể chất, có thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo Danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Tất cả các đồ chơi luôn được nhà trường kiểm tra thường xuyên, sửa chữa và loại bỏ những vật dụng, đồ chơi không an toàn cho trẻ trong quá trình chơi [H3-3.1-03]; [H3-3.1-04].

2. Điểm mạnh

Trường được xây dựng kiên cố. Có biển tên trường, hàng rào bao quanh khu vực riêng biệt, sân vườn có khu vực riêng để thực hiện các hoạt động giáo dục phát triển vận động, có đầy đủ các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo danh mục và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

3. Điểm yếu

Trường còn thiếu nhiều cây xanh tạo bóng mát cho trẻ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo nhà trường có kế hoạch trồng các loại cây che bóng mát, phân công nhân viên thường xuyên chăm sóc, giúp cây phát triển lớn nhanh và tạo bóng mát khi trẻ ra sân hoạt động.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Tiêu chí 3.2: Khối phòng nhóm trẻ, lớp mẫu giáo và khối phòng phục vụ học tập

Mức 1:

a) *Số phòng của các nhóm trẻ, lớp mẫu giáo tương ứng với số nhóm lớp theo độ tuổi;*

b) *Có phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ (có thể dùng phòng sinh hoạt chung làm phòng ngủ đối với lớp mẫu giáo); có phòng để tổ chức hoạt động giáo dục thể chất, giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng, đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;*

c) *Có hệ thống đèn, hệ thống quạt (ở nơi có điện); có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.*

Mức 2:

a) Phòng sinh hoạt chung, phòng ngủ, phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng đảm bảo đạt chuẩn theo quy định

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ chơi, đồ dùng, tài liệu đảm bảo đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện khi sử dụng.

Mức 3:

Có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học và âm nhạc.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Năm học 2023-2024, trường có 10 phòng học được bố trí 10 nhóm, lớp theo đúng độ tuổi gồm: 01 nhóm 25-36 tháng, 02 lớp 3-4 tuổi, 03 lớp 4-5 tuổi, 04 lớp 5-6 tuổi [H3-3.2-01].

b) Trường có 10 phòng sinh hoạt chung để làm nơi sinh hoạt học tập, vui chơi, ăn và ngủ cho trẻ; 01 phòng hội trường, 01 phòng giáo dục nghệ thuật; hoạt động giáo dục thể chất được tổ chức ngoài sân chơi. Các phòng đều được trang bị đầy đủ đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị trong và ngoài quy định; đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị được sắp xếp gọn gàng, sạch sẽ, khoa học thuận tiện trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ nhằm đảm bảo đáp ứng được nhu cầu tối thiểu hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

c) Các phòng có hệ thống đèn chiếu sáng phù hợp, trung bình mỗi lớp có 17 bóng đèn đủ ánh sáng cho trẻ sinh hoạt, đúng theo quy định, xung quanh phòng có trang bị hệ thống quạt đảm bảo thoáng mát cho trẻ khi hoạt động, có tủ, kệ đựng hồ sơ, đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị phù hợp với chức năng của từng phòng [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 2:

a) Nhà trường có 10 phòng sinh hoạt chung với diện tích mỗi phòng là 45 m², bình quân 2 m²/1 trẻ [H3-3.2-01]; trường có phòng giáo dục nghệ thuật có diện tích 60 m² [H3-3.2-02]; sân chơi 60m² cho trẻ hoạt động giáo dục thể chất [H3-3.2-03].

b) Hệ thống tủ, kệ, giá đựng đồ dùng, đồ chơi, tài liệu được trang bị đầy đủ đảm bảo đầy đủ theo quy định, được sắp xếp hợp lý, an toàn, thuận tiện trong khi sử dụng [H3-3.2-01]; [H3-3.2-02]; [H3-3.2-03].

Mức 3:

Nhà trường có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với hoạt động âm nhạc [H3-3.2-02]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

2. Điểm mạnh

Trường có các phòng sinh hoạt chung, phòng chức năng. Các phòng có đủ đồ dùng hệ thống đèn quạt đảm bảo an toàn cho trẻ.

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa có phòng riêng để tổ chức cho trẻ làm quen với ngoại ngữ, tin học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo, hiệu trưởng đề xuất tham mưu cấp lãnh đạo thiết kế khu vực sân sau phía trái nhà trường để xây thêm phòng cho trẻ làm quen ngoại ngữ, tin học cho trẻ hoạt động. Nhà trường cho trẻ làm quen với ngoại ngữ qua giờ học ngoại khoá ở lớp và các lớp đều có trang bị máy vi tính cho trẻ làm quen với tin học tại lớp.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

- a) Có các loại phòng theo quy định;
- b) Có trang thiết bị tối thiểu tại các phòng;
- c) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

- a) Đảm bảo diện tích theo quy định;
- b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có mái che đảm bảo an toàn, tiện lợi.

Mức 3:

Có đủ các phòng, đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Trường có đầy đủ các loại phòng theo quy định như: phòng hội trường, phòng hành chính, phòng hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế, văn phòng, phòng nghỉ nhân viên, phòng bảo vệ; trường có 02 khu vệ sinh cho cán bộ, nhân viên; 01 khu để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

b) Các phòng đều được trang bị đầy đủ trang thiết bị, phòng hành chính quản trị được trang bị bàn ghế làm việc, tủ đựng hồ sơ, máy vi tính để bàn, máy photocopy. Phòng hội trường có hệ thống âm thanh, máy chiếu, bàn ghế, phòng hiệu trưởng và 02 phó hiệu trưởng có đủ bàn ghế, máy tính để bàn, máy laptop, tủ hồ sơ. Phòng y tế có bàn ghế, máy tính, tủ thuốc và các dụng cụ sơ cấp cứu y tế, thuốc dùng thông thường, thuốc bôi ngoài da và giường trẻ em được đặt trong phòng [H3-3.3-01].

c) Nhà để xe cho cán bộ, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, riêng biệt, đảm bảo an toàn tiện lợi, trật tự [H3-3.3-02]. Tuy nhiên, máng xối nhà để xe của đội ngũ giáo viên nhân viên lâu năm đã bị mục nát.

Mức 2:

a) Các phòng hành chính - quản trị đảm bảo đủ diện tích theo quy định tại Điều lệ trường mầm non như: phòng hội trường có diện tích 76 m², phòng hiệu trưởng có diện tích 12 m², phòng 02 phó hiệu trưởng chăm giáo dục và phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng có diện tích 30 m², phòng hành chính có diện tích 15 m², phòng y tế có diện tích 11 m², văn phòng trường có diện tích 76 m², phòng bảo vệ có diện tích 9 m², phòng nghỉ nhân viên có diện tích 16 m² [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01].

b) Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên với diện tích 54 m² được sắp xếp gọn gàng, có mái che đảm bảo an toàn, trật tự, tiện lợi [H3-3.3-02]”.

Mức 3:

Trường có đủ phòng đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học sơ sở và phổ thông có nhiều cấp học [H3-3.1-01]; [H3-3.3-01]; [H3-3.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các phòng khối hành chính quản trị và khu vực để xe được thiết kế đảm bảo yêu cầu về diện tích và trang thiết bị, được bố trí phù hợp nhằm đảm bảo công tác quản lý và thuận tiện cho các bộ phận làm việc.

3. Điểm yếu

Máng xối nhà để xe của đội ngũ giáo viên nhân viên lâu năm đã bị mục nát.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 hiệu trưởng phối hợp với kế toán của nhà trường lên dự toán sửa chữa trong năm, để được thay mới máng xối nhà để xe của đội ngũ đáp ứng nhu cầu sử dụng tại trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khối phòng tổ chức ăn

Mức 1:

a) *Bếp ăn được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố;*

b) *Kho thực phẩm được phân chia thành khu vực để các loại thực phẩm riêng biệt, đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm;*

c) *Có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn.*

Mức 2:

Bếp ăn đảm bảo theo quy định tại Điều lệ trường mầm non.

Mức 3:

Bếp ăn đảm bảo theo Tiêu chuẩn quốc gia về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Bếp ăn của nhà trường đặt tại tầng 02, được xây dựng kiên cố, bếp được vận hành theo quy trình bếp một chiều, thiết kế thông thoáng, rộng rãi. Được trang bị đầy đủ các đồ dùng phục vụ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng và phục vụ cho trẻ, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01].

b) Kho thực phẩm được sắp xếp ngăn nắp, khô ráo vệ sinh sạch sẽ, phân chia thực phẩm và bảo quản tốt các loại riêng biệt, kho được bố trí trong khu vực nhà bếp nên thuận tiện cho nhân viên cấp dưỡng chế biến thức ăn và thực hiện đúng các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, có bảng theo dõi thực phẩm xuất, nhập, tồn kho [H3-3.4-02].

c) Khu vực nhà bếp được bố trí 01 tủ lạnh để lưu mẫu thức ăn của trẻ trong ngày và 01 tủ bảo quản thực phẩm chế biến bữa ăn xé cho trẻ đúng theo Quyết định 1246/QĐ-BYT ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế [H3-3.4-01]; [H3-3.4-03].

Mức 2:

Bếp ăn của nhà trường có diện tích 117 m² phục vụ 324 trẻ đảm bảo 0,36 m²/1 trẻ đảm bảo theo quy định [H3-3.1-01]. Bếp ăn được thiết kế và sắp xếp theo quy trình vận hành bếp một chiều, bố trí theo các khu vực: khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn và khu rửa chén nằm ngoài khu vực nhà bếp; bếp ăn có đầy đủ các bảng biểu như: bảng tiếp phẩm, bảng phân chia thành phẩm, bảng nội quy, bảng phân công cấp dưỡng; có trang bị đầy đủ các đồ dùng bằng inox như: xe đẩy cơm, tủ hấp cơm, máy sấy chén, máy xay thịt, máy xay sinh tố và chén melamine cao cấp để phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường; có đủ dụng cụ chế biến thực phẩm: dao, thớt, thau, rổ, tủ đựng chén, tủ hấp chén, tủ lạnh đúng theo quy định [H3-3.4-01]. Trường đã sử dụng nước của Công ty cấp nước Trung An để chế biến món ăn và nước uống I-on Life để cung cấp nước uống cho trẻ [H3-3.4-04]. Khu vực để gas được thiết kế nằm ngoài bếp ăn, có thiết bị kiểm tra rò rỉ gas tự động [H3-3.4-05].

Mức 3:

Bếp ăn của Trường Mầm non Bé Ngoan được đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học sơ sở và phổ thông có nhiều cấp học; nhà bếp thông thoáng, đủ ánh sáng, các cửa sổ có lưới, để chống côn trùng, bếp ăn độc lập với khối phòng học và sân chơi [H3-3.1-01]; [H3-3.4-01]. Tuy nhiên, nhà bếp chưa có hệ thống máy nước nóng trực tiếp để nấu ăn, cấp dưỡng phải nấu nước nóng bằng gas.

2. Điểm mạnh

Bếp ăn của trường được xây dựng kiên cố, rộng, thoáng, bếp được vận hành theo quy trình bếp một chiều, được trang bị đầy đủ đồ dùng nhà bếp phục vụ trẻ ăn bán trú, có tủ lạnh lưu mẫu thức ăn, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, kho thực phẩm sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp và thuận tiện cho việc sử dụng.

3. Điểm yếu

Nhà bếp chưa có hệ thống máy nước nóng trực tiếp để nấu ăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục trang bị bổ sung đồ dùng, trang bị hệ thống máy nước nóng trực tiếp cho đội ngũ cấp dưỡng, để giảm tải sức lao động cho đội ngũ trong thực hiện công việc.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

Mức 1:

a) Có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ;

b) Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định phải đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm hoặc ngoài danh mục quy định được khai thác và sử dụng hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục, nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường trang bị đủ các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ được quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

b) Trường có trang bị các thiết bị đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục theo quy định cho 10 nhóm lớp đảm bảo tính giáo dục an toàn, phù hợp với trẻ. Ngoài ra giáo viên còn sưu tầm, vận động cha mẹ hỗ trợ các nguyên vật liệu để làm đồ dùng đồ chơi cho trẻ đảm bảo tính giáo dục, an toàn và phù hợp với trẻ [H3-3.5-02].

c) Hằng năm, nhà trường tiến hành kiểm kê các thiết bị đồ dùng, đồ chơi. Thường xuyên xem sổ báo hư tài sản của trường, để kịp thời sửa chữa các đồ dùng đồ chơi cho nhóm, lớp nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ trong mọi hoạt động [H3-3.5-03].

Mức 2:

a) Nhà trường trang bị máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học. Mỗi phòng đều có máy tính kết nối mạng, sử dụng các phần mềm như: phần mềm Imas, Epmis, Mind Manger 8.0, phần mềm quản lý tài sản, phần mềm thu phí học phí SSC, phần mềm tính khẩu phần dinh dưỡng Bảo công nghệ, phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục... [H1-1.6-05]; [H3-

3.2-01];

[H3-3.3-01].

b) Nhà trường trang bị đủ các thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ cho công tác nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ quy định tại văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 03 năm 2015 về danh mục đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non [H3-3.5-01].

c) Hằng năm, nhà trường có kế hoạch bổ sung, thay thế nâng cấp thiết bị đồ dùng đồ chơi ngoài danh mục, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho giáo dục mầm non nhằm phục vụ tốt công tác chăm sóc và giáo dục trẻ [H1-1.6-03]; [H3-3.5-02].

Mức 3:

Các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm, trang thiết bị ngoài danh mục quy định được đội ngũ giáo viên trường thường xuyên khai thác và sử dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục nhằm nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ [H3-3.5-02]. Tuy nhiên, các đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự làm chưa đa dạng, chưa phong phú, và độ bền chưa cao.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, nhà trường có lên kế hoạch mua sắm, sửa chữa, bổ sung các đồ dùng, đồ chơi theo tiêu chuẩn kỹ thuật đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị trong và ngoài quy định dùng cho Giáo dục mầm non, nhằm tạo điều kiện tốt cho giáo viên thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Một số đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa đa dạng, chưa phong phú và có độ bền chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023- 2024 và những năm học tiếp theo, hiệu trưởng tiếp tục tăng cường đồ dùng dạy học do giáo viên tự làm thông qua các hội thi làm đồ dùng dạy học, đồ chơi bằng chất liệu có độ bền cao. Chỉ đạo phó hiệu trưởng và các tổ

trường chuyên môn hướng dẫn giáo viên trong việc khai thác và sử dụng các thiết bị, đồ chơi nhằm đạt hiệu quả cao nhất.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 3.6: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên đảm bảo không ô nhiễm môi trường; phòng vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho trẻ khuyết tật;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và trẻ;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh cho trẻ, khu vệ sinh cho cán bộ quản lý, giáo viên nhân viên thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định

b) Hệ thống cung cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Các lớp học của trẻ, phòng y tế đều có nhà vệ sinh riêng, liền kề thuận tiện cho trẻ sinh hoạt. Trường có 15 nhà vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên trong đó có 10 nhà vệ sinh dành riêng cho giáo viên được bố trí tại 10 phòng học, 04 nhà vệ sinh dành cho cán bộ và nhân viên trong đó 02 nhà vệ sinh được đặt tại tầng hai, 02 nhà được đặt tại tầng trệt, 01 nhà vệ sinh được bố trí trong phòng y tế thuận tiện và đủ cho việc sử dụng. Các bồn tiêu, bệ xí đều có vách ngăn để ngăn cách, phân biệt nam và nữ. Các nhà vệ sinh trong nhà trường luôn sạch sẽ, khô thoáng, không ô nhiễm môi trường. Nhà trường không có trẻ khuyết tật nên không có phòng vệ sinh dành riêng cho trẻ khuyết tật [H3-3.6-01].

b) Trường có hệ thống thoát nước, cống rãnh có nắp đậy phù hợp và đảm bảo vệ sinh môi trường, định kỳ trường luôn kiểm tra thường xuyên không để

tình trạng ứ đọng và có mùi hôi [H3-3.6-02]. Trường có hợp đồng với công ty cấp nước Trung An để cung cấp nước sạch cho trẻ sinh hoạt, chế biến thức ăn và có hợp đồng với công ty nước uống đóng bình Ion-Life để cung cấp nước uống cho trẻ hằng ngày [H3-3.4-04].

c) Ngay từ đầu năm học nhà trường ký hợp đồng với cơ sở vận chuyển rác thải Huy Bảo để xử lý chất thải hằng ngày, không để tình trạng rác thải, nước thải tồn đọng gây ô nhiễm trong khu vực để rác và xung quanh trường, đảm bảo vệ sinh môi trường luôn thông thoáng. Trường có nhà để rác riêng được bố trí phía sau cách xa khu vực lớp học và khu vực nhà bếp. Trường, lớp có thùng đựng rác và phân loại rác thải theo quy định như: rác vô cơ, rác hữu cơ, rác thải nguy hiểm. Tất cả thùng rác đều có nắp đậy, đảm bảo vệ sinh môi trường [H3-3.6-02];

[H3-3.6-03].

Mức 2:

a) Phòng vệ sinh của trẻ được xây dựng khép kín trong phòng sinh hoạt chung, được phân chia nam nữ riêng biệt, thuận tiện cho việc sử dụng của trẻ. Nhà vệ sinh trẻ có diện tích là 13,4 m² đảm bảo trung bình 0,4 m²/1 trẻ. Được trang bị các thiết bị vệ sinh phù hợp với lứa tuổi, lứa tuổi Nhà trẻ có ghế ngồi bô, máng tiểu, khu vệ sinh, bồn rửa tay; lứa tuổi Mẫu giáo có bồn rửa tay, bồn tiểu nam, khu vực vệ sinh cho trẻ. Trường có 15 nhà vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên mỗi phòng có tổng diện tích là 1,2 m² được bố trí phù hợp ở các khu vực trong nhà trường tạo sự thuận tiện trong sinh hoạt [H3-3.6-01]. Tuy nhiên, khu vực nhà vệ sinh của nhóm nhà trẻ và 02 lớp mầm non cầu còn được xây trên bệ cao, khi trẻ đi vệ sinh phải bước lên bệ.

b) Nhà trường sử dụng hệ thống nước của công ty cấp nước Trung An để cho trẻ, giáo viên, nhân viên sử dụng trong sinh hoạt. Vào đầu năm học, trường tiến hành kiểm tra xét nghiệm mẫu nước với kết quả cho thấy hệ thống cung cấp nước sạch trong nhà trường đáp ứng quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế [H3-3.4-04]. Nước uống của trẻ được

trường tiến hành hợp đồng với công ty nước uống đóng bình Ion Life đạt chuẩn theo quy định của Bộ Y tế [H3-3.4-04]. Hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của trường đáp ứng quy định tại khoản 3, Điều 5 tại Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BGDĐT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học [H3-3.6-01]; [H3-3.6-03]. Hệ thống thoát nước luôn được đảm bảo không bị nước ứ đọng, không gây ô nhiễm môi trường [H3-3.6-01]. Trường có ký hợp đồng với cơ sở vận chuyển rác thải Huy Bảo để thu gom rác hằng ngày. Đảm bảo không để tồn đọng rác qua đêm và không gây ô nhiễm môi trường xung quanh [H3-3.6-03].

2. Điểm mạnh

Trường có hệ thống nước sạch, đảm bảo nguồn nước phục vụ đủ cho mọi sinh hoạt trong nhà trường; hệ thống cống rãnh hợp vệ sinh; hệ thống thoát nước thường xuyên được kiểm tra định kỳ theo lịch. Có nhà vệ sinh dành riêng cho cán bộ giáo viên nhân viên và nhà vệ sinh riêng cho 10 lớp học. Khu vực các nhà vệ sinh luôn sạch sẽ khô ráo và không có mùi hôi

3. Điểm yếu

Khu vực nhà vệ sinh của nhóm nhà trẻ và 02 lớp mầm bồn cầu còn được xây trên bệ cao, khi trẻ đi vệ sinh phải bước lên bệ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Vào đầu tháng 9 năm 2023, hiệu trưởng lên kế hoạch sửa chữa tham mưu với các cấp lãnh đạo có thẩm quyền, để trường được sửa chữa nhà vệ sinh từ nguồn kinh phí điều tiết của Quận. Cán bộ quản lý phân công giáo viên thường xuyên theo sát trẻ khi trẻ đi vệ sinh nhằm đảm bảo an toàn cho trẻ mọi lúc mọi nơi trong quá trình trẻ ở trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 3:

Điểm mạnh nổi bật

Trường được xây dựng kiên cố, thoáng mát, khuôn viên trường có tường rào bao quanh, có biển tên trường, có khu vực cho trẻ chơi, sân chơi có nhiều đồ chơi ngoài trời và đảm bảo an toàn cho trẻ.

Phòng sinh hoạt chung đảm bảo an toàn, sạch sẽ, thoáng mát, có đầy đủ các đồ dùng phục vụ cho trẻ theo quy định. Mỗi lớp có nhà vệ sinh riêng, thuận tiện cho trẻ sử dụng

Nhà trường trang bị đầy đủ các thiết bị cho hoạt động dạy và học; thường xuyên kiểm tra, theo dõi việc sử dụng tài sản và các thiết bị dạy học.

Có kế hoạch kiểm tra, nâng cấp, sửa chữa, mua sắm các đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị trong lớp và ngoài trời theo danh mục đảm bảo tính giáo dục, an toàn, phù hợp với trẻ.

Điểm yếu cơ bản

Một số đồ dùng, đồ chơi do giáo viên tự tạo bằng nguyên vật liệu mở chưa đa dạng, chưa phong phú và có độ bền chưa cao.

Nhà bếp chưa có hệ thống máy nước nóng trực tiếp để nấu ăn.

Khu vực nhà vệ sinh của nhóm nhà trẻ và 02 lớp mầm bôn cầu còn được xây trên bệ cao, khi trẻ đi vệ sinh phải bước lên bệ.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 06/06.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/06.

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường gia đình và xã hội

Mở đầu:

Nhà trường, gia đình và xã hội là 03 môi trường gắn kết không thể thiếu được trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ. Chính vì vậy, việc phối hợp tốt giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ trẻ trong quá trình chăm sóc, giáo dục trẻ là điều rất cần thiết. Vì thế, ngay từ đầu năm học sau khi đã họp phụ huynh trường có thành lập Ban đại diện cha mẹ trẻ và hoạt động theo đúng quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh (Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011). Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp cùng nhà trường thực hiện tốt công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, có sự phối kết hợp tốt với cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể tại địa bàn

phường Tân Thới Nhất nhằm thực hiện và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện một cách tốt nhất cho trẻ.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ trẻ

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trẻ.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm vào đầu tháng 9 năm học, nhà trường đã tổ chức họp cha mẹ học sinh ở 10 nhóm, lớp. Sau khi đã họp phụ huynh tại lớp và bầu ra Ban đại diện ở mỗi nhóm lớp gồm 02 thành viên (01 trưởng ban, 01 thành viên); sau đó nhà trường tổ chức Đại hội đại biểu cha mẹ học sinh và thống nhất bầu ra Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường gồm 05 thành viên (01 trưởng ban, 01 phó ban và 03 thành viên); Ban đại diện cha mẹ trẻ hoạt động đúng theo quy định tại điều 9 của Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4-4.1-01].

b) Ban đại diện cha mẹ trẻ có kế hoạch hoạt động từng năm học theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4.1-01].

c) Ban đại diện cha mẹ trẻ tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ thông qua họp đầu năm học, bản tin của trường, lớp và thông qua việc trao đổi trực tiếp với giáo viên chủ nhiệm của từng nhóm lớp [H4-4.1-01].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ trẻ phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục [H4-4.1-01]. Nhà trường có biện pháp, hướng dẫn tuyên truyền, phổ biến pháp luật, tuyên truyền các dịch bệnh, cách chăm sóc trẻ, các chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ trong công tác chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ [H4-4.1-02]. Giáo viên các nhóm, lớp và phụ huynh thường xuyên trao đổi thông tin về tình hình sức khỏe trong ngày của trẻ thông qua các giờ đón, trả trẻ, sổ bé ngoan, sổ liên lạc, và các hình thức khác... để có sự thống nhất trong chăm sóc giáo dục trẻ [H1-1.8-01]; [H4-4.1-02].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ trẻ có sự phối hợp đạt hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành [H4-4.1-01]. Tuy nhiên vẫn còn một vài phụ huynh có đôi lúc bận công tác nên chưa tham gia vào các hoạt động chung của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ trẻ của trường hoạt động theo đúng Điều lệ quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp cùng nhà trường thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

3. Điểm yếu

Phụ huynh bận công tác nên chưa dành thời gian tham gia vào các hoạt động chung của nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng hướng dẫn giáo viên ở các nhóm, lớp nắm tình hình phụ huynh của lớp mình và vận động các

phụ huynh có tâm huyết với trường, tham gia vào Ban đại diện cha mẹ trẻ, để phối hợp với nhà trường thực hiện tốt hơn nữa trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành giáo dục, về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất thông qua các buổi họp giao ban Ban chấp hành Đảng bộ trong việc huy động trẻ 5 tuổi ra lớp đạt tỷ lệ 100% theo Đề án phổ cập Giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; đề xuất Ủy ban nhân dân phường các biện pháp giữ gìn

an ninh trật tự xung quanh trường; xây dựng quy chế phối hợp với công an phường Tân Thới Nhất về đảm bảo an ninh trường học [H4-4.2-01].

b) Nhà trường phối hợp tốt với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân và cha mẹ trẻ để tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường bằng nhiều hình thức như: thông qua các cuộc họp giữa nhà trường và cha mẹ trẻ, trao đổi giữa cán bộ, giáo viên và cha mẹ trẻ, thông qua bản tuyên truyền của trường và nhóm lớp [H4-4.1-02].

c) Vào các ngày lễ hội được tổ chức tại trường, giáo viên chủ nhiệm các lớp huy động phụ huynh hỗ trợ bong bóng, hoa, trái cây, cây kiểng, các loại truyện tranh, sách đọc, từ cha mẹ trẻ để các buổi lễ hội thêm phần sôi nổi và sinh động hơn [H4-4.2-02].

Mức 2:

a) Nhà trường tham mưu có hiệu quả với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân phường Tân Thới Nhất để thực hiện phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường đã đề ra [H4-4.2-01].

b) Nhà trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện theo kế hoạch, phù hợp với truyền thống của địa phương như: ngày hội bé đến trường, tết Trung thu, giao lưu với các chú bộ đội, lễ hội Tết và mùa xuân, 8/3, giỗ tổ Hùng Vương, dâng hoa ngày sinh của Bác [H4-4.2-02].

Mức 3:

Nhà trường tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền để thực hiện xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương. Tuy nhiên khi tổ chức các lễ hội, sự kiện, tham quan chưa đa dạng phong phú về hình thức và nội dung [H4-4.2-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện chặt chẽ công tác tham mưu với cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong việc xây dựng, giám sát thực hiện phương hướng,

chiến lược, kế hoạch giáo dục của nhà trường góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ tại địa phương.

3. Điểm yếu

Khi tổ chức các lễ hội, sự kiện, tham quan chưa đa dạng, phong phú về hình thức và nội dung.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo nhà trường tiếp tục tham mưu và phối hợp có hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể đổi mới hình thức tổ chức các hoạt động lễ hội, sự kiện tại trường để trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh nổi bật

Trường có Ban đại diện cha mẹ trẻ được thành lập và có kế hoạch hoạt động theo năm học; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh và phối hợp hiệu quả với nhà trường trong các hoạt động giáo dục. Có tuyên truyền hướng dẫn phụ huynh cách chăm sóc và giáo dục trẻ dưới mọi hình thức.

Nhà trường phối hợp có hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, các tổ chức, đoàn thể, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu cơ bản

Trường tổ chức các lễ hội, sự kiện, tham quan chưa đa dạng, phong phú về hình thức và nội dung.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 02/02

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/02

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động và kết quả nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ

Mở đầu:

Công tác chăm sóc và giáo dục trẻ luôn được nhà trường quan tâm và đặt lên hàng đầu. Chính vì thế, Trường Mầm non Bé Ngoan tổ chức các hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ theo Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo chỉ đạo của ngành; đội ngũ giáo viên biết sử dụng phương pháp dạy học tích cực giúp trẻ phát triển tốt về mọi lĩnh vực, cán bộ quản lý thường xuyên kiểm tra đánh giá quá trình phát triển của trẻ theo các lĩnh vực. Đội ngũ giáo viên biết vận dụng phương pháp dạy học tích cực, đa dạng khi tổ chức các hoạt động giúp trẻ có sự phát triển tốt về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, thẩm mỹ tình cảm xã hội, thói quen vệ sinh, ý thức an toàn giao thông, đáp ứng mục tiêu của Chương trình giáo dục mầm non. Trường luôn thực hiện tốt công tác chăm sóc giáo dục trẻ, giúp trẻ phát triển một cách toàn diện.

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục mầm non

Mức 1:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo kế hoạch*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành phù hợp quy định về chuyên môn của cơ quan quản lý giáo dục, với điều kiện nhà trường;*
- c) *Định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp.*

Mức 2:

- a) *Tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non đảm bảo chất lượng;*
- b) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, phù hợp với văn hóa địa phương, đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ.*

Mức 3:

- a) *Nhà trường phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trên cơ sở tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, hiệu quả, phù hợp với thực tiễn của trường, địa phương;*

b) Hằng năm, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục của nhà trường, từ đó điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN- BGDDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Chương trình giáo dục mầm non, phù hợp với chỉ đạo của ngành và đặc điểm tình hình của nhóm, lớp [H1-1.8-01].

b) Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm học, tùy vào nhận thức của trẻ trong nhóm lớp và cơ sở vật chất của nhà trường, tập thể giáo viên đã điều chỉnh phát triển các nội dung trong Chương trình giáo dục mầm non cho phù hợp tình hình thực tế, qua kinh nghiệm của trẻ, có sự kết hợp giữa nuôi dưỡng và chăm sóc giáo dục theo đúng với sự chỉ đạo ngành học [H1-1.4-04].

c) Cán bộ quản lý Trường Mầm non Bé Ngoan có sự phối kết hợp cùng giáo viên nhóm lớp định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non và kịp thời điều chỉnh, phù hợp với tình hình thực tế [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]. Kế hoạch giáo dục của nhóm, lớp luôn được phó hiệu trưởng, tổ trưởng chuyên môn phê duyệt đánh giá hằng tháng để đảm bảo giáo viên thực hiện giảng dạy đúng và điều chỉnh kịp thời, phù hợp Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02]; [H5-5.1-01].

Mức 2:

a) Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học và tổ chức chỉ đạo tổ chuyên môn cùng các nhóm lớp xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo năm học phù hợp với chỉ đạo của ngành và đặc điểm tình hình của từng nhóm, lớp. 10/10 nhóm, lớp xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện theo Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra [H1-1.8-01]; [H5-5.1-01].

b) Cán bộ quản lý nhà trường kết hợp chặt chẽ với giáo viên nhóm, lớp định kỳ rà soát, đánh giá việc thực hiện Chương trình giáo dục mầm non theo Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ

trường Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình giáo dục mầm non và có điều chỉnh kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế, văn hóa địa phương đáp ứng khả năng và nhu cầu của trẻ. Thực hiện nghiêm túc Thông tư số 23/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi. 100% trẻ được theo dõi, đánh giá theo Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi, 100% trẻ 5-6 tuổi được chứng nhận hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

Mức 3:

a) Nhà trường có tham khảo chương trình giáo dục của các nước trong khu vực và thế giới. Tuy nhiên, khi sinh hoạt chuyên môn trường chưa đủ điều kiện để vận dụng và phát triển Chương trình giáo dục mầm non [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

b) Hằng năm nhà trường tiến hành tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục nhằm kịp thời điều chỉnh, cải tiến nội dung, phương pháp giáo dục để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho các năm học tiếp theo. Trường chưa vận dụng phương pháp giáo dục của các nước trong khu vực để phát triển chương trình giáo dục mầm non này vào thực hiện tại đơn vị [H1-1.8-01]; [H1-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường tổ chức thực hiện tốt Chương trình giáo dục mầm non theo đúng kế hoạch đề ra, có sự theo dõi định kỳ rà soát và đánh giá việc thực hiện, giúp giáo viên có sự điều chỉnh kịp thời phù hợp với điều kiện, văn hóa địa phương và đáp ứng khả năng, nhu cầu của trẻ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trường chưa vận dụng phương pháp giáo dục của các nước trong khu vực để phát triển chương trình giáo dục mầm non này vào thực hiện tại đơn vị.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện và phát triển Chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban

hành theo đúng kế hoạch đề ra. Thường xuyên tạo điều kiện để cán bộ quản lý tham gia các lớp bồi dưỡng do Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12 tổ chức, tham dự các chuyên đề, các hoạt động thao giảng vận dụng phương pháp giáo dục của các nước trong khu vực để phát triển chương trình giáo dục mầm non vào thực hiện tại nhà trường.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ

Mức 1:

a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, đảm bảo phù hợp với mục tiêu nội dung giáo dục, phù hợp với trẻ mầm non và điều kiện nhà trường;

b) Tổ chức môi trường giáo dục theo hướng tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm;

c) Tổ chức các hoạt động giáo dục bằng nhiều hình thức đa dạng phù hợp với độ tuổi của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 2:

Tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế.

Mức 3:

Tổ chức môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng của trẻ, kích thích hứng thú, tạo cơ hội cho trẻ tham gia hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi”.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Giáo viên nghiêm túc thực hiện các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ trên cơ sở vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nội dung giáo dục và phù hợp đặc điểm tình hình của nhóm lớp, điều kiện nhà trường cũng như đặc điểm phát triển của cá nhân trẻ [H1-1.8-01].

b) Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng của trường dựa vào điều kiện thực tế, tình hình học tập của trẻ chỉ đạo giáo viên xây dựng môi trường học tập và vui

chơi theo hướng “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” nhằm tạo điều kiện cho trẻ được vui chơi, trải nghiệm dựa trên hứng thú, nhu cầu của trẻ; tạo điều kiện giúp trẻ phát triển một cách tốt nhất [H3-3.1-03].

c) Thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục dưới nhiều hình thức đa dạng phong phú, phù hợp với điều kiện thực tế tại trường. Dựa vào kỹ năng của trẻ ở lớp, và đề ra phương pháp giáo dục phù hợp cho trẻ hoạt động [H1-1.8-01].

Mức 2:

Trường tổ chức các hoạt động thực hành, trải nghiệm, khám phá môi trường xung quanh phù hợp với nhu cầu, hứng thú của trẻ và điều kiện thực tế, bố trí các góc chơi phù hợp với tình hình của trường [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01]. Tuy nhiên, còn 03 giáo viên mới ra trường chưa có kinh nghiệm, thường chưa xử lý được những tình huống phát sinh xảy ra.

Mức 3:

Hằng năm, nhà trường hướng dẫn giáo viên tổ chức xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học phù hợp với nhu cầu, khả năng hứng thú của trẻ, tạo cơ hội để trẻ tham gia các hoạt động vui chơi, trải nghiệm theo phương châm “chơi mà học, học bằng chơi” [H1-1.8-01]; [H5-5.2-01].

2. Điểm mạnh

Giáo viên của trường tổ chức linh hoạt các hoạt động đa dạng, phong phú, phù hợp theo độ tuổi giúp trẻ tích cực tham gia. Từ đó, giúp trẻ mạnh dạn, tự tin giao tiếp, chủ động, tích cực, tìm tòi, khám phá thông qua các hoạt động học tập, hoạt động vui chơi ở mọi lúc mọi nơi.

3. Điểm yếu

Còn 03 giáo viên mới ra trường tháng 6/2023 chưa có nhiều kinh nghiệm, chưa xử lý kịp thời được những tình huống phát sinh xảy ra.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng và phó hiệu trưởng tiếp tục tạo điều kiện cho những giáo viên này học hỏi những giáo viên trong trường có nhiều kinh nghiệm trong việc xử lý tình huống, khuyến khích

các giáo viên này thường xuyên dự giờ đồng nghiệp để tích lũy kinh nghiệm cho bản thân trong quá trình giảng dạy trẻ.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.3: Kết quả nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe

Mức 1:

a) *Nhà trường phối hợp với cơ sở y tế địa phương tổ chức các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ;*

b) *100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định;*

c) *Ít nhất 80% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 2:

a) *Nhà trường tổ chức tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ;*

b) *Chế độ dinh dưỡng của trẻ tại trường được đảm bảo cân đối đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định;*

c) *100% trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp, tình trạng dinh dưỡng của trẻ cải thiện so với đầu năm học.*

Mức 3:

Có ít nhất 95% trẻ khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Ngay từ đầu năm học, nhà trường phối hợp với trạm y tế phường Tân Thới Nhất để tổ chức khám sức khỏe 2 lần/1 năm, và tổ chức tiêm ngừa vắc-xin sởi, tiêm ngừa các loại bệnh theo nhu cầu của phụ huynh đăng ký. Trường phối kết hợp trung tâm y tế dự phòng và y tế phường tổ chức tuyên truyền phòng chống dịch bệnh cho trẻ như: phòng chống dịch bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng [H5-5.3-01].

b) 100% trẻ được kiểm tra sức khỏe, đo chiều cao, cân nặng, đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng theo quy định [H5-5.3-01].

c) 85% trẻ suy dinh dưỡng, trẻ thừa cân, béo phì, được can thiệp bằng những biện pháp phù hợp. Đối với trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, và trẻ ở nhóm nhà trẻ được cân đo hàng tháng, đối với trẻ mẫu giáo được đánh giá qua biểu đồ tăng trưởng theo quy định hằng quý [H5-5.3-01]. Đầu năm 2022-2023, nhà trường có số lượng trẻ suy dinh dưỡng thấp còi là 00/324 tỷ lệ: 0%; trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân là 08/324 tỷ lệ: 2,46%, suy dinh dưỡng thể thấp còi là 00/324 tỷ lệ 00%; trẻ thừa cân, béo phì là 31/324 tỷ lệ: 9.56%. Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng đã xây dựng kế hoạch phòng chống trẻ suy dinh dưỡng cân nặng, thừa cân, béo phì: trong khẩu phần ăn hàng ngày của trẻ thường xuyên có những bữa phụ để bổ sung thêm dinh dưỡng; những thức ăn chế độ chăm sóc riêng cho các cháu thừa cân, béo phì và có lịch cho trẻ tập vận động trẻ thừa cân, béo phì, thường xuyên phối hợp với phụ huynh chăm sóc trẻ để giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng, thừa cân, béo phì. [H5-5.3-02]. Cuối năm học 2022-2023 số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm 01/423 tỉ lệ 0,3%, trẻ thừa cân béo phì giảm 20/324 tỉ lệ 6,17% [H5-5.3-02].

Mức 2:

a) Nhà trường có kế hoạch tổ chức tuyên truyền, tư vấn cho cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ về các vấn đề liên quan đến sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần của trẻ em trong công tác phòng chống thừa cân, béo phì, tuyên truyền các kiến thức nuôi dạy trẻ, để phụ huynh nắm bắt và phối hợp cùng nhà trường thực hiện tốt công tác phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì [H5-5.3-02].

b) Thực hiện chế độ dinh dưỡng của trẻ em tại trường được đảm bảo cân đối, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, đảm bảo theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Chương trình giáo dục mầm non. Trẻ được xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn hợp lý với độ tuổi, đa dạng thực đơn, phong phú, không trùng lặp theo

ngày, theo tuần, theo mùa; ngoài ra trẻ còn được uống sữa, ăn yaourt, pudding, rau câu, bánh flan vv.. [H5-5.3-02]. Trẻ được uống nước đầy đủ theo nhu cầu và đảm bảo vệ sinh [H3-3.4-04].

c) Trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì được can thiệp sớm bằng những biện pháp phù hợp về chế độ dinh dưỡng, trường có chế độ dinh dưỡng riêng cho các bé trong diện này và tổ chức cân đo hàng tháng cho trẻ theo quy định [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02]. Tuy nhiên do một số phụ huynh vẫn còn nuông chiều con, khi về nhà phụ huynh cho trẻ ăn theo ý thích của trẻ nên tỉ lệ bé thừa cân giảm chưa cao.

Mức 3:

Có 303/324 trẻ em khỏe mạnh, chiều cao, cân nặng phát triển bình thường, tỷ lệ 93,51%. Tuy nhiên, trường vẫn còn phụ huynh chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc chăm sóc các cháu thừa cân béo phì [H5-5.3-01]; [H5-5.3-02].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chế độ chăm sóc phù hợp với từng đối tượng trẻ, có kế hoạch cụ thể triển khai đến cha mẹ trẻ hoặc người giám hộ thông qua bảng tuyên truyền, sổ liên lạc, thường xuyên trao đổi trực tiếp với phụ huynh qua giờ đón trả trẻ để hiểu rõ thêm tình hình sức khỏe của bé.

3. Điểm yếu

Trường vẫn còn phụ huynh chưa phối hợp chặt chẽ với nhà trường trong việc chăm sóc các cháu thừa cân béo phì.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, nhà trường tiếp tục thực hiện tốt mô hình chăm sóc nuôi dưỡng, phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng kiểm tra nhắc nhở các thành viên trong đội tuyên truyền của trường, thường xuyên phát loa phóng thanh về tác hại của bệnh thừa cân béo phì trong các giờ phụ huynh đưa đón trẻ. Để phụ huynh có thêm các thông tin, kiến thức trong việc thực hiện chế độ ăn hợp lý cho trẻ thừa cân béo phì, có sự phối kết hợp chặt chẽ với trường khi chăm sóc các cháu trong diện này.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 3.

Tiêu chí 5.4: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi, 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 85% đối với trẻ 5 tuổi 80% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 85%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 80%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập, trẻ có hoàn cảnh khó khăn được nhà trường quan tâm giáo dục theo kế hoạch giáo dục cá nhân.

Mức 2:

a) Tỷ lệ chuyên cần đạt ít nhất 95% đối với trẻ 5 tuổi, 90% đối với trẻ dưới 5 tuổi; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90% đối với trẻ 5 tuổi 85% đối với trẻ dưới 5 tuổi;

b) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 95%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 90%;

c) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 80%.

Mức 3:

a) Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình giáo dục mầm non đạt ít nhất 97%; trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 95%;

b) Trẻ khuyết tật học hòa nhập (nếu có) được đánh giá có tiến bộ đạt ít nhất 85%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường và giáo viên thực hiện tốt việc theo dõi trẻ đến lớp bằng nhiều hình thức như điểm danh hằng ngày, luôn nhắc nhở khuyến khích trẻ đi học đều, gọi điện thoại đến gia đình thăm hỏi khi trẻ nghỉ học..Kết quả năm học 2022-2023 nhóm nhà trẻ tỉ lệ đi học chuyên cần đạt 85%, lớp Mẫu giáo 3-4 tuổi tỉ lệ đi học

chuyên cần đạt 90,29%, lớp Mẫu giáo 4-5 tuổi tỉ lệ đi học chuyên cần đạt 91,88%, lớp Mẫu giáo 5-6 tuổi tỉ lệ đi học chuyên cần đạt 91,53% [H1-1.5-03].

b) Nhà trường thực hiện tốt công tác phổ cập giáo dục mầm non, tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non đạt 100% [H5-5.4-01].

c) Năm học 2018-2019 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-02].

Mức 2:

a) Nhà trường luôn tạo tâm thế tốt để trẻ đến trường, xây dựng môi trường thân thiện; luôn tạo cho trẻ có cảm giác an toàn khi đến trường, thường xuyên loại bỏ các đồ dùng đồ chơi và dụng cụ ngoài trời không còn sử dụng được, thay mới đồ dùng, đồ chơi của trẻ, trường lớp luôn thoáng sạch. Tuy nhiên, trẻ nhà trẻ do cơ thể còn non yếu nên trẻ dễ bệnh và trẻ hay nghỉ học [H5-5.4-02].

b) 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-01].

c) Năm học 2018-2019 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-02].

Mức 3:

a) 100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non [H5-5.4-01].

b) Năm học 2018-2019 đến nay trường không có trẻ khuyết tật học hòa nhập [H1-1.1-02].

Điểm mạnh

Trường có sự phối hợp tốt với chính quyền, các ban ngành đoàn thể tại địa phương và phụ huynh trong công tác huy động trẻ 5 tuổi đến trường và đảm bảo trẻ được hoàn thành Chương trình Giáo dục mầm non.

3. Điểm yếu

Trẻ nhà trẻ do cơ thể còn non yếu nên trẻ dễ bệnh và trẻ hay nghỉ học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Năm học 2023-2024 và những năm tiếp theo, hiệu trưởng mời bác sỹ dinh dưỡng về tuyên truyền cách chăm sóc nuôi dưỡng, phòng chống các dịch bệnh cho trẻ và giới thiệu các chuyên mục sức khỏe để phụ huynh nắm bắt kịp và chăm sóc trẻ tốt để hạn chế tình trạng trẻ nghỉ học nhiều.

5. Tự đánh giá: đạt Mức 1.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh nổi bật

Chương trình giáo dục mầm non được nhà trường triển khai và tổ chức thực hiện tốt theo đúng kế hoạch đề ra, giáo viên có sự điều chỉnh và định kỳ rà soát kịp thời.

Giáo viên tổ chức linh hoạt, thiết kế các hoạt động đa dạng, phong phú phù hợp với khả năng, nhu cầu, hứng thú của trẻ.

Nhà trường phối hợp với chính quyền địa phương, các ban ngành đoàn thể và phụ huynh huy động tốt công tác trẻ 5 tuổi đến trường.

Điểm yếu cơ bản

Giáo viên mới nên chưa có kinh nghiệm tận dụng nhiều cơ hội, tạo tình huống cho trẻ trải nghiệm khám phá môi trường xung quanh trong các hoạt động hàng ngày.

Trẻ nhà trẻ do cơ thể còn non yếu nên trẻ dễ bệnh và trẻ hay nghỉ học.

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 04/04.

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 00/04.

Phần III

KẾT LUẬN CHUNG

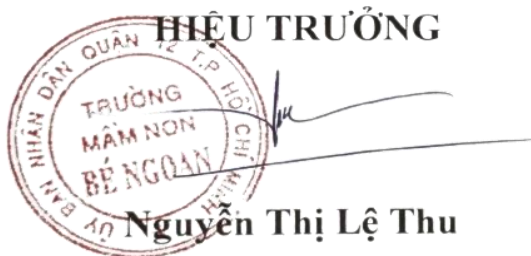
Quá trình thực hiện báo cáo tự đánh giá đã giúp Trường Mầm non Bé Ngoan Quận 12 luôn khẳng định với các cơ quan quản lý, với phụ huynh, về chuyên môn, về quản lý, giáo viên, nhân viên tại đơn vị. Tuy nhiên, với tinh thần trách nhiệm cao, nhà trường đã nhìn nhận và đánh giá lại những mặt đã đạt được, những hạn chế còn tồn tại và đề ra kế hoạch cải tiến, khắc phục tạo động lực, thúc đẩy chất lượng cao hơn để lãnh đạo và nhân dân tín nhiệm nhiều hơn.

Qua quá trình tự đánh giá tại đơn vị, kết quả đạt được các chỉ báo, các tiêu chí về kiểm định chất lượng giáo dục như sau:

- Số lượng tiêu chí đạt: 25/25 tỷ lệ: 100%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 1: 00/25 tỷ lệ: 00%
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 2: 21/25 tỷ lệ: 84%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 2: 04/25 tỷ lệ: 16%
- Số lượng tiêu chí đạt Mức 3: 09/19 tỷ lệ: 47,36%
- Số lượng tiêu chí không đạt Mức 3: 10/19 tỷ lệ: 52,63%
- Mức đánh giá của Trường Mầm non Bé Ngoan: Mức 1
- Trường Mầm non Bé Ngoan đề nghị đạt Kiểm định chất lượng giáo dục

Cấp độ 1./.

Quận 12, ngày 20 tháng 9 năm 2023



PHẦN IV: PHỤ LỤC

Tiêu chí	Số TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành, hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc nhóm, cá nhân thực hiện	Ghi chú (Nơi lưu trữ)
Tiêu chí 1.1	1	[H1-1.1-01]	Hồ sơ phát triển xây dựng nhà trường (Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường. Biên bản họp)	Nhiệm kỳ 2022-2027	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.1-02]	Hồ sơ quản lý (Kế hoạch năm học, báo cáo tổng kết năm học)	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.1-03]	Hình ảnh công khai phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường tại bảng tin, website	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.1-04]	Sổ họp liên tịch nhà trường	Năm học 2018-	Hiệu trưởng	Hiệu

				2019 đến năm học 2022-2023		trưởng
	5	[H1-1.1-05]	Sổ họp Hội đồng sư phạm nhà trường.	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022- 2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.2	1	[H1-1.2-01]	Hồ sơ Hội đồng trường (Quyết định thành lập Hội đồng trường; biên bản họp).	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Hội đồng trường	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.2-02]	Hồ sơ Hội đồng thi đua khen thưởng, kỷ luật.	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.2-03]	Hồ sơ Hội đồng chấm sáng kiến.	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	4	[H1-1.2-04]	Hồ sơ Hội đồng chấm giáo viên giỏi cấp trường	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

Tiêu chí 1.3	1	[H1-1.3-01]	Hồ sơ Công đoàn (Quyết định chuẩn y Ban chấp hành; Nghị quyết công đoàn; Kế hoạch hoạt động; Biên bản)	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Liên đoàn lao động Quận 12	Chủ tịch công đoàn
	2	[H1-1.3-02]	Hồ sơ Chi đoàn (Quyết định chuẩn y Ban chấp hành; Nghị quyết chi đoàn; Kế hoạch hoạt động; Biên bản).	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Đoàn phường Tân Thới Nhất	Bí thư chi đoàn
	3	[H1-1.3-03]	Hồ sơ Hội khuyến học (Quyết định, Kế hoạch hoạt động; Báo cáo). Hình ảnh nuôi heo đất	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	4	[H1-1.3-04]	Hồ sơ Hội chữ thập đỏ (Quyết định, Kế hoạch hoạt động; Báo cáo).	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng

	5	[H1-1.3-05]	Hồ sơ Chi bộ (Quyết định chuẩn y chi ủy; Nghị quyết Chi bộ; Kế hoạch chuyên đề; Sổ họp).	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Bí thư Chi bộ	Bí thư Chi bộ
	6	[H1-1.3-06]	Giấy khen đoàn thể và các tổ chức khác	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Công đoàn Chi đoàn Hội khuyến học Hội chữ thập đỏ	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.4	1	[H1-1.4-01]	Hồ sơ tổ chức (quyết định trường hạng 1)	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Ủy ban nhân dân Quận 12	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.4-02]	Hồ sơ cán bộ, công chức	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Ủy ban nhân dân Quận 12	Hiệu trưởng
	3	[H1-1.4-03]	Hồ sơ Quyết định, phân công cán bộ quản lý, nhân viên, giáo viên	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	4	[H1-1.4-04]	Hồ sơ tổ chuyên môn, tổ văn phòng (Kế hoạch hoạt động tổ; biên bản).	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Tổ trưởng chuyên môn	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.4-05]	Hồ sơ chuyên đề	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 1.5	1	[H1-1.5-01]	Hồ sơ tuyển sinh (Kế hoạch tuyển sinh quận, trường; Danh sách học sinh theo độ tuổi).	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.5-02]	Hồ sơ học sinh	Năm học 2023-2024	Hiệu trưởng	Giáo viên
	3	[H1-1.5-03]	Sổ điểm danh học sinh.	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Kế toán	Kế toán
Tiêu chí 1.6	1	[H1-1.6-01]	Hồ sơ văn thư (sổ công văn đến, sổ công văn đi; lưu công văn đi, đến).	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Văn thư	Văn thư

	2	[H1-1.6-02]	Biên bản kiểm tra tài chính của các cấp có thẩm quyền.	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phòng Tài chính Quận 12	Kế toán
	3	[H1-1.6-03]	Hồ sơ kế toán (Quyết định; dự toán; các chứng từ; xây dựng mua sắm; quản lý tài sản, tài chính; bảng chi lương cho đội ngũ; hóa đơn mua đồ dùng, đồ chơi, trang thiết bị; chính sách miễn giảm thuế; phiếu thu chi).	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Kế toán	Kế toán
	4	[H1-1.6-04]	Quy chế chi tiêu nội bộ.	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	5	[H1-1.6-05]	Danh mục các phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản nhà trường	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (ổ đĩa D)

Tiêu chí 1.7	1	[H1-1.7-01]	Hồ sơ bồi dưỡng đội ngũ	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.7-02]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.8	1	[H1-1.8-01]	Hồ sơ giáo viên (Kế hoạch giáo dục năm, tháng, tuần, giáo án; Sổ bé ngoan hoặc Sổ liên lạc).	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Giáo viên	Giáo viên
	2	[H1-1.8-02]	Hồ sơ theo dõi đánh giá sự phát triển của trẻ.	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (ô đĩa D)

	3	[H1-1.8-03]	Biên bản kiểm tra đánh giá về chất lượng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của các cấp có thẩm quyền. Biên bản kiểm tra việc thực hiện Chương trình chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục trẻ của các cấp có thẩm quyền.	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 12	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.9	1	[H1-1.9-01]	Hồ sơ Quy chế dân chủ	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	2	[H1-1.9-02]	Hồ sơ tiếp công dân	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 1.10	1	[H1-1.10-01]	Phương án, biên bản, hình ảnh đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học; Quy chế phối hợp với công an phường Tân Thới Nhất	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	2	[H1-1.10-02]	Phương án, biên bản, hình ảnh đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Giấy chứng nhận bếp ăn đủ điều kiện an toàn thực phẩm	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	3	[H1-1.10-03]	Phương án, biên bản, hình ảnh phòng chống tai nạn thương tích	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	4	[H1-1.10-04]	Phương án, biên bản, hình ảnh đội ngũ tham gia phòng chống cháy nổ; giấy chứng nhận công tác cứu nạn, cứu hộ	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	5	[H1-1.10-05]	Phương án, biên bản, hình ảnh an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng chăm sóc

						nuôi dưỡng
	6	[H1-1.10-06]	Phương án, biên bản, hình ảnh an toàn phòng chống dịch bệnh; Quy chế phối hợp với Trạm y tế phường Tân Thới Nhất	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
	7	[H1-1.10-07]	Phương án, biên bản, hình ảnh an toàn phòng, chống tệ nạn xã hội và phòng chống bạo lực trong nhà trường.	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 2.1	01	[H2-2.1-01]	Hồ sơ đánh giá Chuẩn hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng (Phiếu tự đánh giá, phiếu đội ngũ đánh giá Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng; phiếu tổng hợp đánh giá).	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí	01	[H2-2.2-01]	Hồ sơ chuẩn nghề nghiệp giáo	Năm học 2018-	Hiệu trưởng	Hiệu

2.2			viên (phiếu đánh giá xếp loại giáo viên; phiếu tổng hợp đánh giá).	2019 đến năm học 2022-2023		trưởng
Tiêu chí 2.3	01	[H2-2.3-01]	Hồ sơ đánh giá cán bộ công chức	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
Tiêu chí 3.1	01	[H3-3.1-01]	Hồ sơ nhà đất (Bản vẽ thiết kế, sơ đồ tổng thể các khu vực)	Năm 2016	Ủy ban nhân dân Quận 12	Hiệu trưởng
	02	[H3-3.1-02]	Hình ảnh biển tên trường và tường rào.	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (ổ đĩa D)
	03	[H3-3.1-03]	Hình ảnh từng khu vực chơi của trẻ	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (ổ đĩa D)

	04	[H3-3.1-04]	Danh mục đồ dùng – đồ chơi ngoài trời.	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (ổ đĩa D)
Tiêu chí 3.2	01	[H3-3.2-01]	Hình ảnh phòng học và sinh hoạt chung.	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (ổ đĩa D)
	02	[H3-3.2-02]	Hình ảnh phòng giáo dục nghệ thuật	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (ổ đĩa D)
	03	[H3-3.2-03]	Hình ảnh phòng giáo dục thể chất	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc

						giáo dục (ổ đĩa D)
Tiêu chí 3.3	01	[H3-3.3-01]	Hình ảnh khu hành chính quản trị	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (ổ đĩa D)
	02	[H3-3.3-02]	Hình ảnh khu vực đỗ xe	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (ổ đĩa D)
Tiêu chí 3.4	01	[H3-3.4-01]	Hình ảnh nhà bếp	Năm học 2018- 2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng (ổ đĩa E)

	02	[H3-3.4-02]	Hình ảnh kho thực phẩm	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Y tế	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng (ổ đĩa E)
	03	[H3-3.4-03]	Hình ảnh tủ lưu mẫu thức ăn	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Y tế	Phó hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng (ổ đĩa E)
	04	[H3-3.4-04]	Hồ sơ hợp đồng công ty cấp nước Trung An và công ty nước khoáng lavie và I-on Life	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng
	06	[H3-3.4-05]	Hình ảnh khu vực để gas.	Năm học 20218-2019 đến năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó hiệu trưởng chăm sóc

						nuôi dưỡng (ở đĩa E)
Tiêu chí 3.5	01	[H3-3.5-01]	Biên bản kiểm kê thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	02	[H3-3.5-02]	Biên bản kiểm kê thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tự làm và ngoài quy định	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
	03	[H3-3.5-03]	Sổ báo hư tài sản	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 3.6	01	[H3-3.6-01]	Hình ảnh nhà vệ sinh trường, lớp; hệ thống thoát nước	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Y tế	Y tế

	02	[H3-3.6-02]	Hình ảnh khu vực chứa rác của lớp, của nhà trường.	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Y tế	Y tế
	03	[H3-3.6-03]	Hợp đồng thu gom rác	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Đơn vị thu gom rác	Hiệu trưởng
Tiêu chí 4.1	1	[H4-4.1-01]	Hồ sơ Ban đại diện cha mẹ trẻ (Danh sách Ban đại diện cha mẹ trẻ lớp - trường; biên bản họp cha mẹ trẻ; kế hoạch hoạt động)	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Ban đại diện cha mẹ trẻ	Hiệu trưởng
	2	[H4-4.1-02]	Tài liệu, hình ảnh các hoạt động (tuyên truyền cách nuôi dạy con, chống bạo hành trẻ em, quyền trẻ em, khen thưởng trẻ, chăm lo trẻ có hoàn cảnh khó khăn)	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó hiệu trưởng	Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 4.2	1	[H4-4.2-01]	Văn bản tham mưu với các cấp chính quyền	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Hiệu trưởng

	2	[H4-4.2-02]	Hình ảnh hoạt động các lễ hội	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (ô đĩa D)
Tiêu chí 5.1	1	[H5-5.1-01]	Hồ sơ quản lý chăm sóc giáo dục	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục
Tiêu chí 5.2	1	[H5-5.2-01]	Hình ảnh các sản phẩm của trẻ.	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Giáo viên	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục (ô đĩa D)
Tiêu chí 5.3	1	[H5-5.3-01]	Hồ sơ y tế (Tổng hợp kết quả cân đo, khám sức khỏe)	Năm học 2018-2019 đến năm học	Y tế	Văn thư

				2022-2023		
	2	[H5-5.3-02]	Hồ sơ chăm sóc nuôi dưỡng (Kế hoạch phòng, chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì; hình ảnh tập luyện)	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng	Phó Hiệu trưởng chăm sóc nuôi dưỡng
Tiêu chí 5.4	1	[H5-5.4-01]	Hồ sơ phổ cập trẻ 5 tuổi.	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Hiệu trưởng	Văn thư
	2	[H5-5.4-02]	Hình ảnh thân thiện của các lớp	Năm học 2018-2019 đến năm học 2022-2023	Phó Hiệu trưởng chăm sóc giáo dục	(ổ đĩa D)